

VĂN BẢN THỎA THUẬN

**CUNG CẤP DỮ LIỆU HÀNG KHÔNG
VÀ TIN TỨC HÀNG KHÔNG**

Giữa

**TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG
TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM**

Và

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ VÂN ĐỒN

THÁNG 10/2023

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU	2
1.1 Phạm vi.....	2
1.2 Đối tượng	2
1.3 Tài liệu tham chiếu.....	3
1.4 Hiệu lực	4
1.5 Định nghĩa, chữ viết tắt và quy ước	4
2. CÔNG TÁC CUNG CẤP DỮ LIỆU HÀNG KHÔNG VÀ TIN TỨC HK	6
2.1 Mô tả công tác cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không.....	6
2.2 Quản lý dữ liệu hàng không và tin tức hàng không	7
2.3 Thể hiện sự tuân thủ.....	7
2.4 Xuất hiện lỗi hoặc có sự không nhất quán về dữ liệu hàng không và tin tức hàng không	8
2.5 Phương thức dự phòng	8
3. CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN KHÁC	9
3.1 Tổ chức thực hiện.....	9
3.2 Theo dõi, giám sát việc tuân thủ các nội dung trong Văn bản thỏa thuận:	9
3.3 Liên hệ.....	9
PHỤ LỤC I: ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	1
PHỤ LỤC II: SẢN PHẨM TBTHK DO TRUNG TÂM TBTHK CUNG CẤP	1
PHỤ LỤC III: CÁC DỮ LIỆU HK LIÊN QUAN ĐẾN CẢNG HKQT VÂN ĐỒN.....	1
PHỤ LỤC IV: CÁC TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CẦN PHÁT HÀNH TIN TỨC HK	1
PHỤ LỤC V: YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU CUNG CẤP	1
PHỤ LỤC VI: QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN CUNG CẤP DLHK VÀ TTHK	1
PHỤ LỤC VII: MẪU RCR.....	1

1. GIỚI THIỆU

1.1 Phạm vi

Văn bản thỏa thuận cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không (sau đây gọi tắt là Văn bản thỏa thuận) quy định các điều khoản, điều kiện và trách nhiệm của các bên tham gia trong việc cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không giữa Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn (Cơ quan khởi tạo, cung cấp dữ liệu) và Trung tâm Thông báo tin tức hàng không (Nhà cung cấp dịch vụ Thông báo tin tức hàng không).

1.2 Đối tượng

Đối tượng áp dụng của Văn bản thỏa thuận này bao gồm:

Đối tượng áp dụng	Địa chỉ chính thức	Đại diện pháp lý	Chịu trách nhiệm
I. Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn			
Cán bộ, nhân viên liên quan tại Cảng HKQT Vân Đồn;	Xem chi tiết tại Phụ lục I	Cảng HKQT Vân Đồn	Khởi tạo, cung cấp, trao đổi và làm rõ dữ liệu hàng không và tin tức hàng không liên quan đến khai thác tại Cảng HKQT Vân Đồn cần phát hành tin tức hàng không phù hợp với điều khoản và quy định tại Văn bản thỏa thuận này.
II. TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG			
Cán bộ, nhân viên liên quan thuộc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không.	Xem chi tiết tại Phụ lục I	Trung tâm TBTTHK	- Tiếp nhận, làm rõ (trong trường hợp cần thiết) dữ liệu hàng không và tin tức hàng không liên quan đến Cảng HKQT Vân Đồn cần phát hành tin tức hàng không đã được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận/phê duyệt từ người khai thác Cảng hàng không, sân bay phù hợp với điều khoản và quy định tại Văn bản thỏa thuận này. - Cung cấp dịch vụ Thông báo tin tức hàng không theo quy định.

Ghi chú:

- Các sản phẩm của dịch vụ Thông báo tin tức hàng không bao gồm: AIP, AIC, Sơ đồ, bản đồ hàng không, NOTAM và bộ dữ liệu số. Các sản phẩm thông báo tin tức hàng không do Trung tâm Thông báo tin tức hàng không cung cấp cho các cơ quan, đơn vị liên quan của Cảng HKQT Vân Đồn xem chi tiết tại Phụ lục II.
- Các dữ liệu hàng không liên quan đến Cảng HKQT Vân Đồn: Xem chi tiết tại Phụ lục III.
- Các tin tức hàng không liên quan đến khai thác tại Cảng HKQT Vân Đồn cần phát hành tin tức hàng không: Xem chi tiết tại Phụ lục IV.

1.3 Tài liệu tham chiếu

Nội dung của Văn bản thỏa thuận này tuân thủ và tham chiếu theo các tài liệu sau đây:

1.3.1 Tài liệu ICAO

- Phụ ước 4 - Bản đồ hàng không (Annex 4);
- Phụ ước 5 - Các đơn vị đo lường được sử dụng trong các hoạt động trên không và trên mặt đất (Annex 5);
- Phụ ước 14 - Sân bay (Annex 14);
- Phụ ước 15 - Dịch vụ thông báo tin tức hàng không (Annex 15);
- Tài liệu hướng dẫn về Dịch vụ Thông báo tin tức hàng không (Doc 8126);
- Tài liệu hướng dẫn về bản đồ hàng không (Doc 8697);
- Tài liệu về Hệ tọa độ toàn cầu - 1984 (WGS-84) - (Doc 9674);
- Tài liệu về Phương thức bảo đảm hoạt động bay - Quản lý tin tức hàng không (PANS - AIM) - (Doc 10066);
- Tài liệu hướng dẫn khác liên quan đến dịch vụ Thông báo tin tức hàng không.

1.3.2 Tài liệu Việt Nam

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật Hàng không dân dụng Việt Nam sửa đổi, bổ sung số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về Quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 4/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;
- Thông tư 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/06/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay và Thông tư 32/2021/TT-BGTVT ngày 14/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT;

- Thông tư 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Quyết định 5792/QĐ-CHK ngày 2/12/2013 của Cục Hàng không Việt Nam về việc hướng dẫn quy trình khảo sát đo đạc tọa độ WGS-84;
- Quyết định 2303/QĐ-CHK ngày 25/10/2017 của Cục Hàng không Việt Nam ban hành Hướng dẫn triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử (eTOD);
- Quyết định 273/QĐ-CHK ngày 28/01/2021 của Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Phương án điều chỉnh việc cung cấp dịch vụ AIS sân bay;
- Quyết định 336/QĐ-CHK ngày 03/02/2021 của Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định an toàn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay;
- Quyết định 68/QĐ-CHK ngày 12/01/2022 của Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá và báo cáo tình trạng mặt đường cất hạ cánh tại các cảng hàng không, sân bay của Việt Nam;
- Quyết định 1858/QĐ-CHK ngày 31/8/2023 của Cục Hàng không Việt Nam ban hành Phương thức Quản lý tin tức hàng không Hàng không dân dụng;
- Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn - Dịch vụ Thông báo tin tức hàng không;
- Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn - Bản đồ, sơ đồ hàng không;
- Các tài liệu hướng dẫn khai thác của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- Các Tài liệu khai thác sân bay;

1.4 Hiệu lực

- 1.4.1 Văn bản thỏa thuận này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.
- 1.4.2 Văn bản thỏa thuận này có hiệu lực từ ngày 15/10/2023.

1.5 Định nghĩa, chữ viết tắt và quy ước

1.5.1 Định nghĩa

Trong phạm vi của Văn bản thỏa thuận này, các định nghĩa sau sẽ được áp dụng và được hiểu, bao gồm:

Dữ liệu hàng không:	Hiện thị các yếu tố, khái niệm hoặc chỉ dẫn hàng không theo cách thức được chuẩn hoá phù hợp với việc thông tin, cách diễn giải hoặc xử lý.
Tin tức hàng không:	Tin tức thu được từ quá trình tổng hợp, phân tích và định dạng dữ liệu hàng không.

1.5.2 Chữ viết tắt

AFTN:	Mạng viễn thông cố định hàng không (Aeronautical fixed telecommunication network)
AIC:	Thông tri hàng không (Aeronautical Information Circular)
AIP:	Tập Thông báo tin tức hàng không (Aeronautical Information Publication)
AIP AMDT:	Tập tu chỉnh AIP (AIP Amendment)
AIP SUP:	Tập bổ sung AIP (AIP Supplement)
AIRAC:	Hệ thống kiểm soát và điều chỉnh tin tức hàng không (Aeronautical information regulation and control)
AIS:	Dịch vụ Thông báo tin tức hàng không (Aeronautical Information Service)
AMHS:	Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu (Air traffic service message handling system)
BĐ-PTB:	Bản đồ - Phương thức bay
CHC:	Cát hạ cánh
CNV:	Chương ngại vật
FATO:	Khu vực cất cánh và tiếp cận chót (The final approach and Take off)
HKQT:	Hàng không quốc tế
HKSB:	Hàng không, sân bay
HKVN:	Hàng không Việt Nam
NOTAM:	Điện văn thông báo hàng không (Notice to airmen)
PCN:	Sức chịu tải (Pavement Classification Number)
RCR:	Báo cáo tình trạng mặt đường CHC (Runway condition report)
SNOWTAM:	Loại NOTAM đặc biệt được phát hành theo mẫu quy định cung cấp một báo cáo tình trạng bề mặt trên khu vực hoạt động tại sân bay về sự xuất hiện hoặc chấm dứt các điều kiện nguy hiểm do tuyết, băng, tuyết tan, sương giá, nước đọng hoặc nước kết hợp với tuyết, tuyết tan, băng hoặc sương giá.
TBTTHK:	Thông báo tin tức hàng không
THR:	Ngưỡng đường CHC (Threshold)
TLOF:	Khu vực chạm và nhấc bánh (Touch down and lift-off)

T.P: Thành phố

VATM: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (Vietnam Air Traffic Management Corporation).

1.5.3 Quy ước

- Giờ sử dụng trong công tác phối hợp, cung cấp, trao đổi, làm rõ dữ liệu hàng không và tin tức hàng không là Giờ địa phương.
- Ngôn ngữ sử dụng trong công tác phối hợp, cung cấp, trao đổi, làm rõ dữ liệu hàng không và tin tức hàng không là tiếng Việt.

2. CÔNG TÁC CUNG CẤP DỮ LIỆU HÀNG KHÔNG VÀ TIN TỨC HÀNG KHÔNG

2.1 Mô tả công tác cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không

- 2.1.1 Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu hàng không và tin tức hàng không cho các đơn vị liên quan thuộc Trung tâm TBTTHK kèm theo văn bản chấp thuận/phê duyệt của Cục HKVN đối với dữ liệu hàng không, tin tức hàng không đó. Dữ liệu hàng không và tin tức hàng không khi được cung cấp, phải đảm bảo:
- Đã được Cục HKVN (hoặc Cảng vụ hàng không đối với các trường hợp được quy định theo thẩm quyền, ví dụ: Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay (thời gian không quá 24 giờ) trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không, v.v...) chấp thuận/phê duyệt bằng văn bản.
 - Phù hợp để thực hiện thủ tục TBTTHK theo quy định.
- 2.1.2 Trường hợp Cảng HKQT Vân Đồn cung cấp các đặc tính hàng không đầy đủ (ví dụ ngưỡng đường CHC) cho các đơn vị liên quan thuộc Trung tâm TBTTHK, các thành phần riêng lẻ tạo nên đặc tính hàng không phải được cung cấp kèm theo (ví dụ vĩ độ và kinh độ phải được liệt kê riêng).
- 2.1.3 Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm cung cấp dữ liệu đảm bảo tuân thủ theo yêu cầu về chất lượng dữ liệu (xem chi tiết tại Phụ lục V).
- 2.1.4 Cảng HKQT Vân Đồn cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không phải đảm bảo đủ thời gian để Trung tâm TBTTHK thực hiện các thủ tục phát hành tin tức hàng không theo quy định. (Quy định về thời gian cung cấp tin tức hàng không và dữ liệu hàng không xem chi tiết tại Phụ lục VI).

Ghi chú:

Trong một số trường hợp như đưa Cảng HKSB, đường CHC vào khai thác, Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm báo cáo Cục HKVN để phê duyệt/chấp thuận dữ liệu hàng không, tin tức hàng không liên quan đến cảng HKSB; đồng thời, gửi dữ liệu hàng không, tin tức hàng không này cho Trung tâm TBTTHK để chuẩn bị sẵn sàng cho việc biên soạn ấn phẩm.

- 2.1.5 Dữ liệu hàng không khi được cung cấp dưới dạng siêu dữ liệu (metadata) phải đảm bảo bao gồm tối thiểu các mục siêu dữ liệu sau:

- Tên của tổ chức hoặc cơ quan cung cấp bộ dữ liệu;
- Ngày và giờ bộ dữ liệu được cung cấp;
- Chu kỳ hiệu lực của bộ dữ liệu; và
- Bất kỳ một hạn chế nào liên quan tới việc sử dụng bộ dữ liệu.

2.1.6 Phương thức cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không bao gồm:

- Công văn, văn bản;
- Fax/email;
- AFTN/AMHS/AIS/AIM;
- Điện thoại có ghi âm.

Ghi chú: Việc sử dụng AFTN là phương thức liên lạc tuân thủ theo kế hoạch chuyển đổi AFTN/AMHS của VATM.

2.2 Quản lý dữ liệu hàng không và tin tức hàng không

- 2.2.1 Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm tuân thủ theo các khuyến cáo tại Chương 6.2 trong MOS-15 (Tiêu chuẩn Dịch vụ AIS) liên quan đến các dữ liệu hàng không và tin tức hàng không được phát hành theo chu kỳ AIRAC (tham chiếu Phụ ước 14 - Sân bay, Tập I, Chương 2, mục 2.13.4).
- 2.2.2 Trung tâm TBTTHK có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận dữ liệu hàng không và tin tức hàng không nhận được từ Cảng HKQT Vân Đồn trong trường hợp có nghi ngờ, thắc mắc phát sinh. Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm xác nhận và cung cấp lại dữ liệu hàng không và tin tức hàng không trong thời gian tối đa không quá 48 giờ tính từ thời điểm nhận được đề nghị xác nhận lại của Trung tâm TBTTHK. Trong tình huống này, việc công bố dữ liệu hàng không và tin tức hàng không trong các sản phẩm tin tức hàng không có thể bị chậm trễ.
- 2.2.3 Trường hợp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không không được cung cấp theo thời gian quy định tại Văn bản thỏa thuận này, dữ liệu hàng không và tin tức hàng không sẽ không được phát hành theo kế hoạch đã được phê duyệt/chấp thuận.
- 2.2.4 Cảng HKQT Vân Đồn chịu trách nhiệm duy trì tính hợp lệ của dữ liệu hàng không, tin tức hàng không. Cảng HKQT Vân Đồn sẽ cung cấp bản cập nhật dữ liệu hàng không, tin tức hàng không đã được chấp thuận/phê duyệt bất kỳ khi nào theo đề nghị của Trung tâm TBTTHK hoặc bất kỳ khi nào yêu cầu có thay đổi cập nhật dữ liệu hàng không, tin tức hàng không.
- 2.2.5 Cảng HKQT Vân Đồn phải có các quy trình, biện pháp nhằm lưu trữ các thay đổi dữ liệu được thực hiện để đảm bảo việc truy nguyên của dữ liệu.

2.3 Thể hiện sự tuân thủ

- 2.3.1 Cảng HKQT Vân Đồn phải đảm bảo rằng dữ liệu được tạo, cung cấp theo đúng tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành và hướng dẫn tại các Tài liệu:
- Phụ ước 15 - Dịch vụ thông báo tin tức hàng không (Annex 15);
 - Tài liệu hướng dẫn về Dịch vụ Thông báo tin tức hàng không (Doc 8126).
 - Tài liệu 8168 - Phương thức đối với các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay - Khai thác tàu bay.

- Tài liệu hướng dẫn về bản đồ hàng không (Doc 8697);
- Tài liệu về Hệ tọa độ toàn cầu - 1984 (WGS-84) - (Doc 9674);
- Tài liệu về Phương thức bảo đảm hoạt động bay - Quản lý tin tức hàng không (PANS - AIM) - (Doc 10066).
- Các tài liệu liên quan khác được áp dụng trong quá trình khởi tạo, cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không.

2.4 Xuất hiện lỗi hoặc có sự không nhất quán về dữ liệu hàng không và tin tức hàng không

- 2.4.1 Trong quá trình tiếp nhận dữ liệu hàng không và tin tức hàng không từ Cảng HKQT Vân Đồn, trường hợp phát hiện ra có lỗi hoặc có sự không nhất quán trong dữ liệu hàng không và tin tức hàng không, Trung tâm TBTTHK có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận với Cảng HKQT Vân Đồn liên quan trước khi phát hành tin tức hàng không.
- 2.4.2 Trường hợp nhận được đề nghị xác minh dữ liệu hàng không và tin tức hàng không từ Trung tâm TBTTHK trước khi phát hành tin tức hàng không, Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, đối chiếu, báo cáo Cục HKVN (nếu cần thiết) và thông báo lại bằng văn bản, điện thoại có ghi âm cho Trung tâm TBTTHK. Trung tâm TBTTHK chỉ thực hiện thủ tục TBTTHK sau khi dữ liệu hàng không và tin tức hàng không cần xác minh đã đảm bảo sự nhất quán, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dữ liệu.
- 2.4.3 Trường hợp đã thực hiện TBTTHK mà Trung tâm TBTTHK phát hiện ra có lỗi hoặc có sự không nhất quán trong dữ liệu hàng không và tin tức hàng không, Trung tâm TBTTHK có trách nhiệm thực hiện tương tự như quy định tại Khoản 2.4.1 nêu trên.
- 2.4.4 Trường hợp nhận được đề nghị xác minh dữ liệu hàng không và tin tức hàng không từ Trung tâm TBTTHK sau khi đã thực hiện TBTTHK, Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, đối chiếu, báo cáo Cục HKVN kèm theo đề xuất về ngày hiệu lực mới của dữ liệu hàng không và tin tức hàng không. Trên cơ sở phê duyệt/chấp thuận của Cục HKVN, Cảng HKQT Vân Đồn cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không cho Trung tâm TBTTHK theo các điều khoản quy định tại Văn bản thỏa thuận này. Trên cơ sở thông báo lại của Cảng HKQT Vân Đồn, Trung tâm TBTTHK thực hiện điều chỉnh sản phẩm tin tức hàng không đã công bố (nếu cần thiết).

2.5 Phương thức dự phòng

- 2.5.1 Trong trường hợp Cảng HKQT Vân Đồn không thể đảm bảo tính liên tục của việc cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không thì Cảng HKQT Vân Đồn sẽ thực hiện theo phương thức dự phòng của Cảng HKSB được phê duyệt và thông báo trực tiếp bằng điện thoại cho Trung tâm TBTTHK (có thông tin xác thực về tình trạng không thể đảm bảo tính liên tục của việc cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không).
- 2.5.2 Trong trường hợp Cảng HKQT Vân Đồn không đảm bảo tính liên tục của việc cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không, trước ngày hết hiệu lực của dữ liệu hàng không và tin tức hàng không, Trung tâm TBTTHK có trách nhiệm

chủ động xác minh lại dữ liệu hàng không và tin tức hàng không với Cảng HKQT Vân Đồn để đảm bảo có hình thức TBTTHK phù hợp.

2.5.3 Trong trường hợp Trung tâm TBTTHK không thể đảm bảo tính liên tục của việc nhận và xử lý dữ liệu hàng không và tin tức hàng không, Trung tâm TBTTHK thực hiện phương thức ứng phó được quy định tại Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở ANS đã được phê duyệt và thông báo cho Cảng HKQT Vân Đồn được biết và phối hợp thực hiện.

2.5.4 Trong trường hợp Trung tâm TBTTHK không thể đảm bảo tính liên tục của việc nhận và xử lý dữ liệu hàng không và tin tức hàng không, thì Cảng HKQT Vân Đồn sẽ phối hợp với Trung tâm TBTTHK thực hiện theo phương thức ứng phó của Trung tâm TBTTHK.

3. CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN KHÁC

3.1 Tổ chức thực hiện

3.1.1 Văn bản thỏa thuận này thay thế Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ thông báo tin tức hàng không giữa Trung tâm TBTTHK và Cảng HKQT Vân Đồn ký kết và có hiệu lực từ ngày 30/7/2021.

3.1.2 Việc cung cấp dữ liệu hàng không và tin tức hàng không giữa Cảng HKQT Vân Đồn và Trung tâm TBTTHK được thực hiện chỉ dựa trên Văn bản thỏa thuận này.

3.1.3 Văn bản thỏa thuận này được định kỳ rà soát mỗi năm một lần hoặc bất kỳ khi nào 2 bên thấy cần thiết. Trong trường hợp có sửa đổi, bổ sung khác với nội dung Văn bản thỏa thuận này thì 2 bên thống nhất, cập nhật Văn bản thỏa thuận.

3.2 Theo dõi, giám sát việc tuân thủ các nội dung trong Văn bản thỏa thuận:

3.2.1 Phòng An toàn-Chất lượng – TTTBTTHK có trách nhiệm:

Là đầu mối theo dõi, giám sát, báo cáo và tiếp nhận báo cáo về việc tuân thủ các nội dung trong Văn bản thỏa thuận này.

3.2.2 Trung tâm điều hành Cảng HKQT Vân Đồn có trách nhiệm:

Là đầu mối theo dõi, giám sát, báo cáo và tiếp nhận báo cáo về việc tuân thủ các nội dung trong Văn bản thỏa thuận này.

3.3 Liên hệ

3.2.1 Cảng HKQT Vân Đồn và Trung tâm TBTTHK thống nhất cử đầu mối liên hệ liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Văn bản thỏa thuận này, cụ thể như sau:

a. Cảng HKQT Vân Đồn:

Trung tâm điều hành Cảng HKQT Vân Đồn

Địa chỉ bưu điện: Thôn Giữa, Xã Đoàn kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0203.390.1111 hoặc 0203.364.1888

AFTN/AMHS VVVDYDYO

E-mail: vdia.at@sungroup.com.vn

b. Trung tâm TBTTHK

Phòng Nghiệp vụ - Trung tâm TBTTHK:

Địa chỉ bưu điện: Số 5/200 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội

Tel: 0243 872 0190

E-mail: ais.nghiepvu@vatm.vn

ĐẠI DIỆN
TT THÔNG BÁO TIN TỨC HK



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Kiên

ĐẠI DIỆN
CẢNG HKQT VÂN ĐỒN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Sáu

PHỤ LỤC I

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

I. Cảng HKQT Vân Đồn:

Trung tâm điều hành Cảng HKQT Vân Đồn

Địa chỉ bưu điện: Thôn Giũ, Xã Đoàn kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 0203.390.1111 hoặc 0203.364.1888

AFTN/AMHS/AIS/AIM VVVDYDYO

E-mail: vdia.at@sungroup.com.vn

II. Trung tâm TBTTHK

1. Trung tâm Thông báo tin tức hàng không

Địa chỉ bưu điện: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, T.P Hà Nội

Tel: 024 38 728 778

Fax: 024 38 725 687

E-mail: vnaic@vatm.vn (Chính);
vanphongtthk@gmail.com (Dự phòng)

Website: www.vnaic.vn

2. Phòng NOTAM Quốc tế

Địa chỉ bưu điện: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, T.P Hà Nội

Tel: 024 38 720 619;
024 38 271 513 số nội bộ 8248 (Trực 24/24), 8215, 8627, 8732 (hành chính)

Fax: 024 - 38 728 781

AFTN/AMHS: VVVVYNYX

E-mail: nof@vatm.vn (chính);
nof@vnaic.vn (dự phòng)

3. Phòng AIP

Địa chỉ bưu điện: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, T.P Hà Nội

Tel: 024 38 728 521
024 38 271 513 số nội bộ 8653, 8416, 8526

Fax: 024 38 725 687

E-mail: aip_vatm@vatm.vn (chính);
aip@vnaic.vn (dự phòng)
aipvn.vnaic@gmail.com (dự phòng)

4. Phòng Bản đồ - Phương thức bay

Địa chỉ bưu điện: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, T.P Hà Nội

Tel: 024 38 729 581;
024 38 271 513 số nội bộ 8660, 8667

Fax: 024 38 725 687

E-mail: mappro@vnaic.vn;
mapchart@vatm.vn

5. Phòng Bảo đảm kỹ thuật

Địa chỉ bưu điện: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, T.P Hà Nội

Tel: 024 38 720 813 số nội bộ 8527 (Trực 24/24)
024 38 720 813 số nội bộ 8536, 8827 (hành chính)

Fax: 024 38 725 687

E-mail: tech@vnaic.vn

6. Trung tâm ARO/AIS Nội Bài

Địa chỉ bưu điện: Cảng HKQT Nội Bài, Đầu Đông - nhà ga T2, sân Nội Bài, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Tel: 024 - 35844161, số máy nội bộ 3074

Fax: 024 - 35844306

AFTN/AMHS: VVNBZPZX (ARO);
VVNBYOYX (AIS)

E-mail: noibaiaro@vatm.vn (chính);
noibaiaro@vnaic.vn (dự phòng)

7.

7. Trung tâm Cơ sở dữ liệu hàng không

Địa chỉ bưu điện: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, T.P Hà Nội

Tel: 024 38 742 455; 024 38 726 988. máy 4 số:
8736; 8495; 8490

E-mail: sdo@vnaic.vn

PHỤ LỤC II:

**SẢN PHẨM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG DO
TRUNG TÂM TBTTHK CUNG CẤP**

STT	Sản phẩm cung cấp	Cơ quan, đơn vị cung cấp	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận	Hình thức cung cấp
1.	AIP Việt Nam, Tập tu chỉnh AIP (AIP AMDT), Tập tu chỉnh AIP theo chu kỳ AIRAC (AIRAC AIP AMDT), Tập bổ sung AIP (AIP SUP), Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC (AIRAC AIP SUP), Thông tri hàng không (AIC)	Phòng AIP - Trung tâm TBTTHK	Trung tâm điều hành Cảng HKQT Vân Đồn	Tài khoản truy cập Website AIS: www.vnaic.vn
2	Hỗ trợ Cảng HKQT Vân Đồn thực hiện trách nhiệm xây dựng, thiết kế và biên soạn: - Các sơ đồ phương thức bay sử dụng phù trợ dẫn đường mặt đất thuộc Cảng hàng không, sân bay quản lý; - Các loại sơ đồ: Sơ đồ sân bay, sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất, sơ đồ sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay; Sơ đồ chướng ngại vật sân bay, sơ đồ địa hình tiếp cận chính xác (trong phạm vi trách nhiệm của Cảng HKQT Vân Đồn); - Các loại sơ đồ liên quan đến thi công, sửa chữa tại Cảng HKQT Vân Đồn để đảm bảo Thông báo tin tức hàng không theo quy định.	Phòng BD- PTB - Trung tâm TBTTHK	Trung tâm điều hành Cảng HKQT Vân Đồn	
3.	Các điện văn NOTAM/SNOWTAM	Phòng NOTAM quốc tế -	Trung tâm điều hành Cảng	Qua fax/AFTN/AMHS/e- mail hoặc theo

STT	Sản phẩm cung cấp	Cơ quan, đơn vị cung cấp	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận	Hình thức cung cấp
	Việt Nam liên quan đến hoạt động điều hành, khai thác tại Cảng HKQT Vân Đồn (khi có yêu cầu)	Trung tâm TBTTHK	HKQT Vân Đồn	cách thức phù hợp với thực tế khai thác

PHỤ LỤC III:

**CÁC DỮ LIỆU HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN
CẢNG HKQT VÂN ĐỒN**

I. Dữ liệu hàng không liên quan đến Cảng HKQT Vân Đồn trong Thỏa thuận này bao gồm:

- Dữ liệu sân bay;
- Dữ liệu về hệ thống/trang thiết bị dẫn đường vô tuyến;
- Dữ liệu địa lý;
- Dữ liệu phương thức bay (thuộc phạm vi trách nhiệm đảm bảo thiết kế và đánh giá phương thức bay);
- Các phương thức, dịch vụ, quy định.

II. Chi tiết các dữ liệu hàng không liên quan Cảng HKQT Vân Đồn:

AD 2 - SÂN BAY

**VVXX AD 2.1 TÊN VÀ CHỈ ĐỊA DANH SÂN BAY
VVXX- CẢNG HÀNG KHÔNG**

VVXX AD 2.2 DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH VÀ ĐỊA LÝ SÂN BAY

1.	Toạ độ và vị trí điểm quy chiếu sân bay	
2.	Hướng và cự ly so với thành phố	
3.	Mức cao/nhiệt độ trung bình	
4.	Độ chênh cao giữa mặt Geoid và Ellipsoid tại vị trí mức cao sân bay	
5.	Độ lệch từ/thay đổi hàng năm	
6.	Tên nhà chức trách/khai thác sân bay, địa chỉ, số điện thoại, Fax, địa chỉ email, địa chỉ AFS và, nếu có, địa chỉ website	
7.	Loại chuyến bay được phép (IFR/VFR)	
8.	Ghi chú	

VVXX AD 2.3 GIỜ HOẠT ĐỘNG

1.	Nhà chức trách/khai thác sân bay	
2.	Hải quan và xuất nhập cảnh	

3.	Chăm sóc sức khỏe và vệ sinh dịch tễ	
4.	Nhiên liệu	
5.	Dịch vụ bốc dỡ	
6.	An ninh	
7.	Ghi chú	

VVXX AD 2.4 DỊCH VỤ BỐC DỠ VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ

1.	Phương tiện bốc dỡ hàng hoá	
2.	Loại nhiên liệu/dầu	
3.	Phương tiện nạp nhiên liệu/sức chứa	
4.	Nhà vòm cho tàu bay vắng lái	
5.	Phương tiện sửa chữa cho tàu bay vắng lái	
6.	Ghi chú	

VVXX AD 2.5 CÁC PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ HÀNH KHÁCH

1.	Khách sạn	
2.	Nhà hàng	
3.	Phương tiện giao thông	
4.	Thiết bị y tế	
5.	Ngân hàng và bưu điện	
6.	Văn phòng du lịch	
7.	Ghi chú	

VVXX AD 2.6 DỊCH VỤ CỨU NẠN VÀ CỨU HỎA

1.	Cấp cứu hỏa sân bay đáp ứng	
2.	Thiết bị cứu nạn	
3.	Khả năng di chuyển tàu bay bị hỏng	
4.	Ghi chú	

VVXX AD 2.7 MÙA HOẠT ĐỘNG - DỌN QUANG

1.	Các loại thiết bị dọn quang	
----	-----------------------------	--

2.	Ưu tiên dọn quang	
3.	Ghi chú	

VVXX AD 2.8 SÂN ĐỖ, ĐƯỜNG LĂN VÀ DỮ LIỆU CỦA VỊ TRÍ KIỂM TRA

1.	Ký hiệu, bề mặt và sức chịu tải của sân đỗ	
2.	Ký hiệu, chiều rộng, bề mặt và sức chịu tải của đường lăn	
3.	Vị trí và mức cao của điểm kiểm tra đồng hồ độ cao	
4.	Điểm kiểm tra VOR	
5.	Điểm kiểm tra INS	
6.	Ghi chú	

Ghi chú: Cung cấp dữ liệu/tin tức chi tiết của từng đường lăn, sân đỗ.

VVXX AD 2.9 HỆ THỐNG KIỂM SOÁT, HƯỚNG DẪN DI CHUYỂN MẶT ĐẤT VÀ SƠN KẼ DẤU HIỆU CHỈ DẪN

1.	Các ký hiệu chỉ dẫn cho tàu bay đậu, chỉ dẫn lăn và vị trí đậu của tàu bay	
2.	Đèn và sơn kẻ chỉ dẫn trên đường CHC và đường lăn	
3.	Đèn vạch dừng	
4.	Các phương pháp khác bảo vệ đường CHC	
5.	Ghi chú	

VVXX AD 2.10 CHƯỐNG NGẠI VẬT SÂN BAY

Trong Khu vực 2					
Nhận dạng/ Ký hiệu chướng ngại vật	Loại chướng ngại vật	Vị trí của chướng ngại vật	Mức cao/Chiều cao	Dấu hiệu/ Loại, màu sắc, đèn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Trong Khu vực 3					
Nhận dạng/ Ký hiệu chướng ngại vật	Loại chướng ngại vật	Vị trí của chướng ngại vật	Mức cao/Chiều cao	Dấu hiệu/ Loại, màu sắc, đèn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

VVXX AD 2.12 CÁC SỐ LIỆU VÀ ĐẶC TÍNH ĐƯỜNG CHC

Ký hiệu đường CHC số	Hướng g thực	Kích thước đường CHC (M)	Sức chịu tải (PCN) bề mặt đường CHC và đoạn dừng	Tọa độ ngưỡng đường CHC Tọa độ cuối đường CHC Độ chênh cao giữa mặt Geoid và Ellipsoid tại ngưỡng đường CHC	Mức cao ngưỡng đường CHC và mức cao nhất của khu chạm bánh đường CHC tiếp cận chính xác
1	2	3	4	5	6

Ký hiệu đường CHC số	Độ dốc RWY-SWY	Kích thước đoạn dừng (M)	Kích thước khoảng trống (M)	Kích thước dải bảo hiểm (M)	Kích thước khu vực an toàn cuối đường CHC
1	7	8	9	10	11

VVXX AD 2.13 CÁC CỤ LY CÔNG BỐ

Ký hiệu Đường CHC	Cụ ly chạy đà cát cánh (M)	Cụ ly có thể cắt cánh (M)	Cụ ly có thể dừng khẩn cấp (M)	Cụ ly có thể hạ cánh (M)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Ký hiệu Đường CHC	Cự ly chạy đà cát cánh còn lại (M)	Cự ly có thể cắt cánh còn lại (M)	Cự ly có thể dừng khẩn cấp còn lại (M)	Cự ly có thể hạ cánh còn lại (M)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

VVXX AD 2.14 ĐÈN TIẾP CẬN VÀ ĐÈN ĐƯỜNG CHC

Ký hiệu đường CHC	Đèn tiếp cận	Đèn nguồn	Đèn VASI	Đèn khu chạm	Đèn tim đường	Đèn lẻ đường	Đèn cuối đường	Đèn đoạn	Ghi chú
	Loại	g	S	bánh	CHC	CHC	CHC,	dừng	
	Chiều dài	Màu	PAPI	Chiều dài	Chiều dài, Giãn	Chiều dài, Giãn	Màu sắc, Đèn cánh	Chiều dài	
	Cường độ	Đèn cánh			cách, Màu sắc, Cường độ	cách, Màu sắc, Cường độ		Màu sắc,	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

VVXX AD 2.15 CÁC LOẠI ĐÈN KHÁC, NGUỒN ĐIỆN DỰ PHÒNG

1.	Vị trí, đặc tính đèn hiệu sân bay/đèn nhận biết và giờ hoạt động	
2.	Đèn và vị trí chỉ hướng hạ cánh Đèn và vị trí của thiết bị gió	
3.	Đèn lẻ, đèn tim đường lăn và đèn vạch dừng (nếu có)	
4.	Nguồn điện dự phòng/thời gian chuyển nguồn	
5.	Ghi chú	

VVXX AD 2.16 KHU VỰC DÀNH CHO TRỰC THĂNG HẠ CÁNH (nếu có)

1.	Toạ độ TLOF hoặc THR của FATO Độ chênh cao giữa mặt Geoid và Ellipsoid	
2.	Mức cao TLOF và/hoặc FATO M/FT	
3.	Kích thước, bề mặt, sức chịu tải, sơn tín hiệu khu vực TLOF và FATO	
4.	Hướng thực của FATO	
5.	Cự ly công bố có sẵn	
6.	Đèn tiếp cận và FATO	

7.	Ghi chú	
----	---------	--

VVXX AD 2.19 ĐÀI PHỤ TRỢ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÀ HẠ CÁNH

<i>Loại đài phụ trợ, Độ lệch từ, Loại khai thác được hỗ trợ</i>	<i>Tên gọi</i>	<i>Tần số</i>	<i>Giờ hoạt động</i>	<i>Vị trí</i> <i>Ăng-ten phát</i> <i>Toạ độ</i>	<i>Mức cao</i> <i>Ăng-ten phát</i> <i>DME</i>	<i>Bán kính phạm vi cung cấp dịch vụ từ điểm tham chiếu GBAS</i>	<i>Ghi chú</i>
1	2	3	4	5	6	7	8

VVXX AD 2.20 CÁC QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TẠI SÂN BAY

1. Các quy định sân bay
2. Dời và lần tới vị trí đỗ
3. Các chuyến bay huấn luyện và bay kiểm tra kỹ thuật
4. Những hạn chế, lưu ý tại sân đỗ

VVXX AD 2.23 CÁC TIN TỨC BỔ SUNG

VVXX AD 2.24 SƠ ĐỒ LIÊN QUAN ĐẾN SÂN BAY

Sơ đồ sân bay - ICAO

Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất - ICAO

Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay - ICAO

Sơ đồ chương ngại vật sân bay - ICAO

Sơ đồ địa hình tiếp cận chính xác – ICAO

Sơ đồ phương thức khởi hành tiêu chuẩn bằng thiết bị - ICAO

Sơ đồ phương thức đến tiêu chuẩn bằng thiết bị - ICAO

Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị - ICAO

Ghi chú: Cung cấp sơ đồ, bản đồ hàng không theo quy định (bản cứng, bản mềm) và phối hợp kiểm tra/đối chiếu dữ liệu sơ đồ, bản đồ hàng không liên quan khác.

PHỤ LỤC IV:

CÁC TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CẦN PHÁT HÀNH TIN TỨC HÀNG KHÔNG

I. TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH NOTAM

1. Mở, đóng cảng hàng không, sân bay hoặc những thay đổi quan trọng trong việc khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc đường cất hạ cánh.
2. Thiết lập, hủy bỏ hoặc những thay đổi quan trọng về hoạt động của các dịch vụ AGA.
3. Thiết lập, hủy bỏ hoặc những thay đổi quan trọng về khả năng khai thác của thiết bị điện tử và thiết bị phụ trợ dẫn đường vô tuyến hàng không bao gồm:
 - a) Giảm đoạn hay phục hồi hoạt động trở lại, thay đổi tần số, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi tên gọi, hướng đối với thiết bị phụ trợ chỉ hướng;
 - b) Thay đổi vị trí, tăng hoặc giảm công suất từ 50% trở lên;
 - c) Thay đổi về việc thông báo lịch phát sóng, nội dung, tính không đều đặn hay thiếu tin cậy của phụ trợ điện tử dẫn đường.
4. Thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về thiết bị phụ trợ bằng mắt.
5. Việc gián đoạn hoặc phục hồi hoạt động trở lại của các bộ phận chính hệ thống chiếu sáng tại sân bay.
6. Phát hiện, sửa chữa các hư hỏng hoặc hạn chế khai thác trên khu vực hoạt động tại sân bay.
7. Thay đổi hoặc hạn chế về khả năng cung cấp nhiên liệu, dầu nhờn và ôxy.
8. Thiết lập, hủy bỏ hoặc phục hồi hoạt động của các đèn hiệu chỉ chương ngại vật ảnh hưởng đến hoạt động bay.
9. Xuất hiện các nguy hiểm chưa được công bố ảnh hưởng đến hoạt động bay bao gồm: chương ngại vật, tập trận và hoạt động quân sự, can nhiễu tần số vô tuyến, phóng tên lửa, bay trình diễn, bay thể thao, bắn pháo hoa, thả đèn lồng, mảnh vỡ tên lửa và nhảy dù quy mô lớn ở ngoài những khu vực công bố; kế hoạch phát xạ la-de, trình chiếu la-de và các đèn tìm kiếm nếu tầm nhìn ban đêm của người lái có khả năng bị suy giảm.
10. Xây dựng, di chuyển hoặc thay đổi các chương ngại vật ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cất cánh, lấy độ cao, tiếp cận hệt, tiếp cận và dải bảo hiểm đường cất hạ cánh.
11. Chỉ định, hủy bỏ hoặc thay đổi địa danh do ICAO quy định.
12. Những thay đổi quan trọng về cấp độ công tác cứu hộ và cứu hỏa được cung cấp tại sân bay.

13. Sự xuất hiện, di chuyển hoặc có những thay đổi quan trọng về các điều kiện nguy hiểm do tuyết, băng, tuyết tan, chất phóng xạ, hóa chất độc hại hoặc nước trên khu vực hoạt động tại sân bay.
14. Xuất hiện dịch bệnh cần phải thông báo để tiêm chủng hoặc có những biện pháp cách ly để kiểm dịch.
15. Thực hiện các hoạt động cứu trợ nhân đạo có các phương thức và giới hạn ảnh hưởng đến hoạt động bay.
16. Hệ thống dự phòng không sẵn sàng để sử dụng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác.

II. TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH SNOWTAM

1. Sự xuất hiện/kết thúc của hiện tượng nước đọng trên bề mặt đường CHC.
2. Sự xuất hiện/kết thúc của hiện tượng có nước trên bề mặt đường CHC kết hợp với các hiện tượng tuyết, băng, tuyết tan, sương giá.
3. Sự xuất hiện/kết thúc của các hiện tượng tuyết, băng, tuyết tan, sương giá.

III. TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY KHÔNG PHÁT HÀNH NOTAM/SNOWTAM

1. Công việc bảo dưỡng thường xuyên trên sân đỗ và đường lăn mà không ảnh hưởng đến việc di chuyển an toàn của tàu bay.
2. Công việc sơn kẻ dấu hiệu trên đường cất hạ cánh khi các hoạt động bay có thể được thực hiện một cách an toàn trên các đường cất hạ cánh khác, hoặc thiết bị được sử dụng có thể được di dời khi cần thiết.
3. Những chướng ngại vật tạm thời trong khu vực lân cận của sân bay/sân bay trực thăng không ảnh hưởng tới việc khai thác tàu bay một cách an toàn.
4. Thiết bị chiếu sáng sân bay/sân bay trực thăng bị hư hỏng một phần mà không ảnh hưởng trực tiếp tới việc khai thác tàu bay.
5. Thiếu các dịch vụ đánh tín hiệu sân đỗ và kiểm soát việc di chuyển trên mặt đất.
6. Ký hiệu chỉ dẫn vị trí, điểm đến hoặc những ký hiệu chỉ dẫn khác trên khu vực hoạt động của sân bay mất khả năng cung cấp.
7. Các hoạt động huấn luyện do các đơn vị mặt đất thực hiện.
8. Không có các hệ thống phụ và dự phòng nếu không ảnh hưởng đến khai thác.
9. Hạn chế đối với các phương tiện sân bay hoặc các dịch vụ chung mà không ảnh hưởng đến khai thác.
10. Thông báo hoặc cảnh báo về các giới hạn tiềm tàng/khả năng mà không ảnh

hưởng đến khai thác.

11. Nhắc nhở chung về thông tin đã được công bố.
12. Đáp ứng thiết bị cho các đơn vị mặt đất mà không chứa đựng tin tức ảnh hưởng đến khai thác đối với người sử dụng phương tiện và vùng trời.
13. Thông tin về chiếu laser mà không ảnh hưởng đến khai thác và bắn pháo hoa dưới độ cao bay tối thiểu.
14. Đóng cửa các phần khu vực hoạt động cùng với công việc theo kế hoạch được hiệp đồng nội bộ với thời gian thực hiện ít hơn một giờ.
15. Đóng cửa, thay đổi, không đáp ứng khai thác của (các) sân bay/sân bay trực thăng ngoài giờ hoạt động của sân bay/sân bay trực thăng.
16. Tin tức không hoạt động khác có tính chất tạm thời tương tự.

IV. TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH AIP AIRAC SUP/AIP AIRAC AMDT

1. Thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về vị trí, tần số, tên gọi, các hiện tượng bất thường đã biết, chu kỳ bảo dưỡng của hệ thống, thiết bị dẫn đường vô tuyến
2. Thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về đường cất hạ cánh và các đoạn dừng, đường lặn, sân đỗ
3. Thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về phương án vận hành trên khu vực hoạt động tại sân bay (bao gồm cả phương án khai thác trong điều kiện tầm nhìn thấp)
4. Thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về đèn tiếp cận, đèn đường cất hạ cánh
5. Thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về tiêu chuẩn khai thác tối thiểu của sân bay cho cất cánh, hạ cánh

V. TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH AIP SUP/AIP AMDT

Bao gồm các tin tức thay đổi trong AIP mang tính chất tạm thời/lâu dài và không cần phải phát theo chu kỳ AIRAC.

VI. TIN TỨC HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH AIC

1. Dự kiến những thay đổi quan trọng về phương thức, dịch vụ và hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị dẫn đường được cung cấp.

2. Dự kiến về việc thực hiện hệ thống dẫn đường mới.
3. Những thông báo chính rút ra từ kết quả điều tra tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn bay.
4. Thông báo quy định liên quan đến an ninh hàng không và bảo vệ hoạt động HKDD chống lại những hành vi can thiệp bất hợp pháp
5. Tư vấn về vấn đề y tế có liên quan đặc biệt tới người lái và cảnh báo người lái tránh các nguy hiểm đối với sức khỏe.
6. Quy định liên quan đến việc chuyên chở hàng hóa nguy hiểm bằng đường hàng không
7. Văn bản pháp luật của Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực HKDD
8. Tư vấn về việc sử dụng và bảo trì các dạng hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị đặc biệt
9. Các tin tức liên quan đến khai thác cảng HKSB khác phù hợp để phát hành tin tức hàng không

PHỤ LỤC V:

YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU CUNG CẤP

Dữ liệu, khi được cung cấp, phải đảm bảo các yêu cầu về chất lượng dữ liệu, cụ thể như sau:

1. Độ chính xác dữ liệu (*Data accuracy*): Phù hợp với mục đích sử dụng dữ liệu.
2. Độ phân giải dữ liệu (*Data resolution*): Phù hợp, tương xứng với độ chính xác của dữ liệu thực tế.
3. Tính toàn vẹn dữ liệu (*Data integrity*):
Dựa trên phân loại tính toàn vẹn được áp dụng, cần có các quy trình để đảm bảo:
 - Đối với dữ liệu thông thường (routine data): Tránh gián đoạn trong suốt quá trình xử lý dữ liệu;
 - Đối với dữ liệu cần thiết (essential data): Đảm bảo sự gián đoạn không xảy ra ở bất kỳ giai đoạn nào của toàn bộ quá trình và bao gồm các quá trình bổ sung khi cần để giải quyết các rủi ro tiềm ẩn trong tổng thể kiến trúc hệ thống để đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu ở mức độ này; và
 - Đối với dữ liệu trọng yếu (critical data): Đảm bảo sự gián đoạn không xảy ra ở bất kỳ giai đoạn nào của toàn bộ quá trình và bao gồm các quá trình đảm bảo tính toàn vẹn bổ sung để giảm thiểu hoàn toàn tác động của lỗi được phát hiện thông qua việc phân tích kỹ lưỡng kiến trúc hệ thống tổng thể như các nguy cơ tiềm tàng về tính toàn vẹn dữ liệu.
4. Khả năng truy nguyên dữ liệu (*Data traceability*): Là khả năng để xác định nguồn gốc và các điểm chuyển giao của dữ liệu, tin tức và phải được đảm bảo và duy trì trong suốt quá trình dữ liệu được sử dụng. Khả năng truy nguyên được bảo đảm bằng cách ghi lại tất cả các tương tác với dữ liệu, bao gồm:
 - Khởi tạo dữ liệu (khảo sát, tính toán, công bố);
 - Chuyển đổi dữ liệu;
 - Định dạng lại dữ liệu;
 - Các hành động xác minh dữ liệu;
 - Các hành động kiểm tra dữ liệu.
5. Tính kịp thời của dữ liệu (*Data timeliness*): Phải được đảm bảo bằng cách giới hạn về thời gian hiệu lực của dữ liệu.
6. Sự đầy đủ của dữ liệu (*Data completeness*): Phải được đảm bảo để hỗ trợ mục đích sử dụng dữ liệu.
7. Định dạng dữ liệu (*Data format*) phát hành phải được đảm bảo, thống nhất để phục vụ chia sẻ và trao đổi dữ liệu.

Ghi chú:

Chi tiết về chất lượng từng loại dữ liệu liên quan đến Cảng HKSB được nêu trong các Phụ đính từ 5.1 đến 5.9 kèm theo.

Phụ đính 5: Yêu cầu về chất lượng dữ liệu liên quan đến Cảng hàng không, sân bay
(Trích Phụ lục 1 - PANS AIM - Doc 10066 - ICAO)

Phụ đính 5.1 - Bảng A 1-1 (1) Dữ liệu sân bay/sân bay trực thăng - Sân bay/sân bay trực thăng

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vẹn	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ấn phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ
Sân bay/sân bay trực thăng	Mô tả chung			Một khu vực xác định trên mặt đất hoặc mặt nước bao gồm nhà cửa, công trình và trang thiết bị được dùng một phần hay toàn bộ cho tàu bay bay đến, bay đi và di chuyển						
	Chỉ danh	Chỉ danh		Chỉ danh của sân bay/sân bay trực thăng.						
		Chỉ địa danh ICAO	Nội dung	Chỉ địa danh 4 chữ cái ICAO của sân bay/sân bay trực thăng được nêu trong tài liệu ICAO Doc 7910 (chỉ địa danh).	nếu có					
		Chỉ danh IATA	Nội dung	Định danh mà được ấn định cho địa danh theo đúng với các quy tắc (Resolution 767) của IATA.	nếu có					
		Khác	Nội dung	Một định danh sân bay sử dụng nội bộ, nếu khác với chỉ địa danh ICAO.						
	Tên		Nội dung	Tên chính thức của một sân bay được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.						
	Thành phố trực thuộc		Nội dung	Tên đầy đủ của tỉnh hoặc thành phố mà sân bay/sân bay trực thăng đang trực thuộc.						
	Loại chuyển bay được phép									
		Quốc tế - nội địa	Danh sách mã code	Chỉ định nếu các chuyển bay quốc tế/hoặc nội địa được phép khai thác tại sân bay/sân bay trực thăng.						
		IFR_VFR	Danh sách mã code	Chỉ định nếu các chuyển bay VFR hoặc IFR được phép khai thác tại sân bay/sân bay trực thăng.						
		Thường lệ_không thường lệ	Danh sách mã code	Chỉ định nếu các chuyển bay thường lệ và không thường lệ được phép khai thác tại sân bay/sân bay trực thăng.						
		Dân dụng_quân sự	Danh sách mã code	Chỉ định nếu các chuyển bay quân sự/dân dụng/thương mại được phép khai thác tại sân bay/sân bay trực thăng.						
		Hạn chế sử dụng	Nội dung	Chỉ định nếu sân bay/sân bay trực thăng không mở cửa công cộng (chỉ chủ sở hữu sử dụng).						
	Loại sân bay trực thăng		Nội dung	Loại sân bay trực thăng được đề cập trong Annex 14 Volume II (đặt trên bề mặt đất, trên cao, trên tàu biển hoặc trên helideck (sân bay trực thăng đặt trên bề mặt công trình trên biển)).						
	Loại kiểm soát		Nội dung	Chỉ định nếu sân bay dưới sự kiểm soát dân dụng, quân sự hoặc kiểm soát hỗn hợp.						
	Chứng nhận của ICAO		Nội dung	Chỉ định nếu sân bay được /hoặc không được chứng nhận theo quy tắc của ICAO.						
	Ngày chứng nhận		Ngày	Ngày cấp giấy chứng nhận sân bay của cơ quan giám sát.						
	Ngày hết hiệu lực		Ngày	Ngày hết hiệu lực của chứng nhận sân bay.						
	Mức cao									
		Mức cao	Mức cao	Khoảng cách theo phương thẳng đứng từ mực nước biển trung bình (MSL) tới điểm cao nhất của khu vực cất hạ cánh.		0.5 m	quan trọng	khảo sát	1m hoặc 1 ft	1m hoặc 1 ft
		Nhiệt độ tham chiếu	Giá trị	Nhiệt độ tối đa hàng ngày trung bình trong tháng đối với tháng nóng nhất trong năm tại sân bay. Nhiệt độ này nên được lấy từ trung bình của nhiều năm (Khuyến cáo của ICAO).						
			Giá trị	Nhiệt độ trung bình thấp nhất của tháng lạnh nhất trong năm đối với 5 năm gần nhất của dữ liệu tại mức cao sân bay.		5 độ				
	Độ lệch từ			Là sự khác biệt về góc giữa hướng Bắc thực và hướng Bắc từ.						
		Góc	Góc	Giá trị góc độ lệch từ .		1 độ	quan trọng	khảo sát	1 độ	1 độ
		Ngày	Ngày	Ngày mà độ lệch từ có giá trị tương ứng.						
	Điểm quy chiếu	Thay đổi hàng năm	Giá trị	Tốc độ thay đổi độ lệch từ hàng năm.						
				Vị trí địa lý của sân bay được chỉ định.						
		Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của điểm quy chiếu sân bay.		30 m	thông thường	khảo sát/tính toán	1 giây	1 giây

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vện	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ấn phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ
		Vị trí	Nội dung	Vị trí của điểm quy chiếu sân bay tại sân bay						
		Hướng	Nội dung	Hướng của điểm quy chiếu sân bay được tính từ trung tâm tỉnh hoặc thành phố sân bay trực thuộc đến điểm quy chiếu sân bay đó.						
		Khoảng cách	Khoảng cách	Khoảng cách của điểm quy chiếu sân bay được tính từ trung tâm tỉnh hoặc thành phố sân bay trực thuộc đến điểm quy chiếu sân bay đó.						
Thiết bị chỉ hướng hạ cánh				Một thiết bị để biểu thị trực quan hướng được chỉ định để cất hạ cánh.						
	Vị trí		Nội dung	Vị trí của thiết bị chỉ hướng hạ cánh.						
	Hệ thống đèn		Nội dung	Hệ thống đèn của thiết bị chỉ hướng hạ cánh.	nếu có					
Nguồn điện dự phòng										
	Đặc điểm		Nội dung	Miêu tả nguồn điện dự phòng.						
	Thời gian chuyển nguồn		Giá trị	Thời gian chuyển nguồn của nguồn điện dự phòng.						
Thiết bị đo gió				Thiết bị được dùng để đo tốc độ gió.						
	Vị trí		Nội dung	Vị trí của thiết bị đo gió.						
	Hệ thống đèn		Nội dung	Hệ thống đèn của thiết bị đo gió.	nếu có					
ABN/IBN				Đèn hiệu sân bay/đèn nhận dạng được dùng để chỉ vị trí của sân bay/sân bay trực thăng từ trên không.						
	Vị trí		Nội dung	Vị trí của đèn nhận dạng/đèn hiệu sân bay trực thăng/đèn hiệu sân bay.	nếu có					
	Đặc điểm		Nội dung	Miêu tả đèn nhận dạng/đèn hiệu sân bay trực thăng/đèn hiệu sân bay.						
	Giờ hoạt động		Thường lệ	Giờ hoạt động của đèn nhận dạng/đèn hiệu sân bay trực thăng/đèn hiệu sân bay.						
Thiết bị chỉ hướng gió										
	Vị trí		Nội dung	Vị trí của thiết bị chỉ hướng gió.						
	Hệ thống đèn		Nội dung	Hệ thống đèn của thiết bị chỉ hướng gió.						
Vị trí quan trắc RVR				Vị trí quan trắc của tầm nhìn đường cất hạ cánh.						
	Vị trí		Điểm	Vị trí địa lý của vị trí quan trắc của RVR.						
Khu vực tần số				Phần được chỉ định của khu vực di chuyển mặt đất nơi có tần số cụ thể được yêu cầu bởi kiểm soát không lưu hoặc kiểm soát mặt đất.						
	Đài trạm		Nội dung	Tên trạm cung cấp dịch vụ.						
	Tần số		Giá trị	Tần số của trạm cung cấp dịch vụ.						
	Ranh giới		Đa giác	Ranh giới khu vực của khu vực tần số.						
Hot spot				Vị trí trên khu vực di chuyển sân bay có lịch sử hoặc nguy cơ tiềm tàng xảy ra va chạm hoặc xâm nhập trái phép đường cất hạ cánh, và nơi tổ lái cần chú ý cao độ.						
	Sự nhận dạng		Nội dung	Nhận dạng của điểm hot spot.						
	Chú thích		Nội dung	Tin tức bổ sung về điểm hot spot.						
	Hình học		Đa giác	Khu vực địa lý của điểm hot spot.						

Phụ đính 5.2 - Bảng A 1-1 (2) Dữ liệu sân bay/sân bay trực thăng – Đường cất hạ cánh

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vận	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ấn phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ
Đường CHC				Một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại sân bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.(Annex 14).		-	-	-		
	Chỉ danh		Nội dung	Chỉ danh bằng văn bản của đường CHC được sử dụng để nhận dạng duy nhất tại sân bay/sân bay trực thăng . Ví dụ. 09/27, 02R/20L, RWY 1.						
	Chiều dài		Khoảng cách	Phần mở rộng theo chiều dọc của đường CHC đã được công bố để tính toán (hiệu suất) khai thác.		1 m	rất quan trọng	khảo sát	1m hoặc 1ft	1m
	Chiều rộng		Khoảng cách	Phần mở rộng theo chiều ngang của đường CHC đã được công bố để tính toán (hiệu suất) khai thác.		1 m	quan trọng	khảo sát	1m hoặc 1ft	1m
	Hình học		Đa giác	Hình dạng của thành phần đường cất hạ cánh, khu vực dịch chuyển đường CHC và giao điểm đường CHC.						
	Điểm trục tim									
		Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của trục tim đường CHC tại cuối mỗi đường CHC, tại đoạn dừng và tại điểm xuất phát của mỗi khu vực đường bay cất cánh và tại vị trí có thay đổi đáng kể của độ dốc đường CHC và đoạn dừng.	Định nghĩa tại Annex 4 mục 3.8.4.2	1 m	rất quan trọng	khảo sát		
		Mức cao	Mức cao	Mức cao của điểm trục tim tương ứng (Xem Annex 14 mục I 2.3.2: ---- đối với các tiếp cận không chính xác ... bất kỳ điểm trung gian cao và thấp nào dọc theo đường CHC phải được đo chính xác tới 1.5m hoặc bằng bộ...) Xem Ghi chú 3).		0.25 m	rất quan trọng	khảo sát		
		Geoid undulation	Height	The geoid undulation at the corresponding centre line point						
		Lối thoát đường CHC								
		Đường chỉ dẫn lối thoát	Đường thẳng	Vị trí địa lý lối thoát của đường CHC.		0.5 m	quan trọng	khảo sát	1/100 giây	1 giây
		Màu sắc	Nội dung	Màu sắc của lối thoát đường CHC.						
		Kiểu loại	Nội dung	Kiểu loại lối thoát của đường CHC.						
		Hướng	Danh sách mã	Hướng lối thoát của đường CHC (1 chiều hoặc 2 chiều).						
	Loại bề mặt		Nội dung	Loại bề mặt của đường cất hạ cánh được nêu tại Annex 14 Volume I.						
	Sức chịu tải									
		PCN	Nội dung	Sức chịu tải						
		Loại bề mặt	Nội dung	Xác định loại bề mặt của số phân cấp tàu bay - sức chịu tải.						
		Subgrade category	Text	Subgrade strength category						
		Áp suất cho phép	Nội dung	Danh mục áp suất lốp cho phép tối đa hoặc giá trị áp suất cho phép tối đa.						
		Phương pháp đánh giá	Nội dung	Phương pháp đánh giá sử dụng.						
	Dải bảo hiểm			Một khu vực được xác định bao gồm đường CHC và đoạn dừng nếu được cung cấp a) để giảm nguy cơ thiệt hại cho tàu bay thoát khỏi đường cất hạ cánh; và b) để bảo vệ tàu bay bay qua trong quá trình cất cánh hoặc hạ cánh.						
		Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng theo chiều dọc của dải bảo hiểm đường CHC.						
		Chiều rộng	Khoảng cách	Mở rộng theo chiều ngang của dải bảo hiểm đường CHC.						
		Loại bề mặt		Loại bề mặt của dải bảo hiểm đường CHC.						
	Lề bảo hiểm			Một khu vực tiếp giáp với lề bề mặt sân chuẩn bị cung cấp việc chuyển tiếp giữa bề mặt sân và bề mặt tiếp giáp.						
		Hình học	Đa giác	Vị trí địa lý của lề bảo hiểm.						
		Loại bề mặt	Nội dung	Loại bề mặt của lề bảo hiểm.						
		Chiều rộng	Khoảng cách	Chiều rộng của lề bảo hiểm đường CHC.		1m	quan trọng	khảo sát	1 m hoặc 1 ft	
	Blastpad			Khu vực được cung cấp để giảm tác dụng ăn mòn của luồng gió máy bay phân lực và chân vịt tàu bay.						
		Hình học	Đa giác	Vị trí địa lý của blastpad.						
	Khu vực không có chướng ngại vật		Nội dung	Tồn tại khu vực không có chướng ngại vật đối với đường cất hạ cánh tiếp cận chính xác Loại I.	nếu cần					
	Son kẻ đường									

	CHC	Loại	Nội dung	Loại sơn kẻ đường CHC.						
		Miêu tả	Nội dung	Miêu tả sơn kẻ đường CHC.						
		Hình học	Đa giác	Vị trí địa lý sơn kẻ đường CHC.						
	Hệ thống đèn tim đường CHC	Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng theo chiều dọc hệ thống đèn tim đường CHC.						
		Khoảng trống	Khoảng cách	Khoảng trống hệ thống đèn tim đường CHC.						
		Màu sắc		Màu sắc của hệ thống đèn tim đường CHC.						
		Cường độ	Nội dung	Cường độ của hệ thống đèn tim đường CHC.						
		Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn của hệ thống đèn tim đường CHC.						
	Hệ thống đèn lẻ đường CHC	Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng theo chiều dọc của đèn lẻ đường CHC.						
		Khoảng trống	Khoảng cách	Khoảng trống của đèn lẻ đường CHC.						
		Màu sắc	Nội dung	Màu sắc của đèn lẻ đường CHC.						
		Cường độ	Nội dung	Cường độ của hệ thống đèn lẻ đường CHC.						
		Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn của hệ thống đèn lẻ đường CHC.						
	Mã tham chiếu			Mục đích của mã tham chiếu là cung cấp một phương pháp đơn giản để liên kết đến tiêu chuẩn về số liên quan đến đặc điểm của sân bay để cung cấp một loạt các trang thiết bị sân bay phù hợp với tàu bay dự định hoạt động tại sân bay.						
		Số	Danh sách mã code	Chữ số dựa trên chiều dài khu vực tham chiếu tàu bay.						
		Chữ cái	Danh sách mã code	Chữ cái dựa trên sải cánh tàu bay và sải bánh cang chính.						
	Khu vực hạn chế		Nội dung	Miêu tả khu vực hạn chế của đường CHC.						
	Hướng đường CHC									
	Chỉ danh		Nội dung	Chỉ danh bằng chữ đầy đủ của hướng hạ cánh và cất cánh Ví dụ: 27, 35L, 01R.						
		Hướng thực	Hướng	Hướng thực của đường CHC		1/100 độ	thông thường	khảo sát	1/100 độ	1 độ
		Loại	Nội dung	Loại đường CHC: Chính xác (CAT I, II, III)/không chính xác /không sử dụng thiết bị.						
		Ngưỡng đường CHC		Điểm khởi đầu của phần đường CHC sử dụng cho hạ cánh .						
			Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của ngưỡng đường CHC.		1 m	rất quan trọng	khảo sát	1/100 giây
			Mức cao	Mức cao	Mức cao của ngưỡng đường CHC.		Xem Ghi chú 1)			
			Geoid undulation	Height	WGS-84 Geoid undulation at runway threshold position					
			Loại	Nội dung	Nêu rõ nếu ngưỡng đường CHC dịch chuyển/không dịch chuyển. Ngưỡng đường CHC dịch chuyển không đặt ở đầu đường CHC.					
			Dịch chuyển	Khoảng cách	Khoảng cách ngưỡng đường CHC dịch chuyển.	nếu ngưỡng đường CHC dịch chuyển	1 m	thông thường	khảo sát	1 m hoặc 1 ft
		Điểm cuối đường CHC		Điểm cuối đường CHC (điểm điều chỉnh của đường bay).						
			Vị trí	Điểm	Vị trí Điểm cuối đường CHC theo hướng khởi hành.		1 m	rất quan trọng	khảo sát	1/100 giây
			Mức cao	Mức cao	Mức cao của vị trí cuối đường CHC.		Xem Ghi chú 3)			
		Điểm cuối của đường cất hạ cánh sử dụng cho cất cánh		Điểm cuối của đường cất hạ cánh sử dụng cho cất cánh (DER) là điểm cuối của khu vực công bố thích hợp cho cất cánh (nghĩa là điểm cuối đường CHC hoặc nơi có khoảng trống, cuối khoảng trống).	Bắt đầu phương thức khởi hành					
			Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của DER.					
		Mức cao	Mức cao	Mức cao của DER là mức cao của điểm cuối đường CHC hoặc mức cao của cuối khoảng trống, lấy điểm nào cao hơn.						
	Khu vực chạm bánh			Phần đường CHC vượt ngưỡng đầu thềm đường CHC nơi dự định hạ cánh tàu bay đầu tiên với đường CHC.						
		Mức cao	Mức cao	Mức cao nhất của khu vực chạm bánh của đường CHC tiếp cận chính xác.	tiếp cận chính xác đường	0.25 m hoặc 1 ft				

362
HƯỚNG DẪN
BÁO CÁO
CÔNG TRÌNH
G C
Y B
IG T
7/2

					CHC					
		Độ dốc	Giá trị	Độ dốc của khu vực chạm bánh đường CHC.						
	Độ dốc		Giá trị	Độ dốc của đường CHC.						
	LAHSO			Land and Hold Short Operations						
	Khu vực dịch chuyển			Một phần của đường CHC giữa điểm bắt đầu của đường CHC và ngưỡng đường dịch chuyển.						
		Hình học	Đa giác	Vị trí địa lý của khu vực dịch chuyển.						
		PCN	Nội dung	Sức chịu tải của khu vực dịch chuyển.						
		Loại bề mặt	Nội dung	Loại bề mặt của khu vực dịch chuyển.						
		Hạn chế của tàu bay	Nội dung	Hạn chế sử dụng đối với loại tàu bay xác định.						
	Đoạn dừng			Một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại cuối đoạn chạy lấy đà có thể sử dụng được chuẩn bị như một khu vực thích hợp trong đó tàu bay có thể dừng lại trong trường hợp cất cánh bị thất bại.						
		Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng chiều dài của đoạn dừng.	nếu có	1 m	rất quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m
		Chiều rộng	Khoảng cách	Chiều rộng của đoạn dừng.		1 m	rất quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m
		Hình học	Hình học	Vị trí địa lý của đoạn dừng.						
		Độ dốc	Giá trị	Độ dốc của đoạn dừng.						
		Loại bề mặt	Nội dung	Loại bề mặt của đoạn dừng.						
	Khoảng trống			Một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất hoặc mặt nước dưới sự kiểm soát của cơ quan thích hợp, được lựa chọn hoặc chuẩn bị như một khu vực thích hợp mà trên đó tàu bay có thể thực hiện một phần của quá trình bay lên ban đầu đến một độ cao xác định.						
		Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng chiều dài của khoảng trống.		1 m	quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	
		Chiều rộng	Khoảng cách	Mở rộng chiều ngang của khoảng trống.		1 m	quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	
		Mặt cất đứng		Mặt cất theo chiều dọc (hoặc dốc) của khoảng trống.	nếu có					
	Khu vực an toàn cuối đường CHC (RESA)			Một khu vực đối xứng về trục tìm đường CHC mở rộng và tiếp giáp với phần cuối của dải bảo hiểm chủ yếu nhằm mục đích giảm nguy cơ hư hỏng tàu bay khi tàu hạ cánh quá sớm (chưa tới đường CHC) hoặc chạy quá đường CHC .						
		Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng chiều dài của khu vực an toàn cuối đường CHC.						
		Chiều rộng	Khoảng cách	Mở rộng chiều ngang của khu vực an toàn cuối đường CHC.						
		Độ dốc dài	Giá trị	Độ dốc dài của khu vực an toàn cuối đường CHC.						
		Độ dốc ngang	Giá trị	Độ dốc ngang của khu vực an toàn cuối đường CHC.						
	Cự ly công bố									
		TORA	Khoảng cách	Đoạn chạy lấy đà có thể sử dụng - Chiều dài đường CHC công bố và thích hợp cho tàu bay chạy lấy đà cất cánh trên mặt đất.		1 m	rất quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m
		TODA	Khoảng cách	Cự ly có thể cất cánh - Chiều dài của đoạn chạy lấy đà có thể sử dụng cộng với chiều dài của khoảng trống, nếu có.		1 m	rất quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m
		ASDA	Khoảng cách	Cự ly có thể dừng khẩn cấp - Chiều dài của đoạn chạy lấy đà cất cánh cộng với chiều dài của đoạn dừng, nếu có.		1 m	rất quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m
		LDA	Khoảng cách	Cự ly có thể hạ cánh- Chiều dài của đường CHC được công bố có thể sử dụng và thích hợp cho chạy lấy đà hạ cánh trên mặt đất.		1 m	rất quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m
		Ghi chú	Nội dung	Các chú ý bao gồm tiến nhập đường CHC hoặc điểm khởi đầu khu vực dự bị giảm thấp cự ly công bố được công bố.						
	Hệ thống đèn cuối đường CHC									
		Màu sắc	Nội dung	Màu của hệ thống đèn cuối đường CHC.						
		Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn của hệ thống đèn cuối đường CHC.						
	Hệ thống đèn đoạn dừng									
		Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng chiều dài của hệ thống đèn đoạn dừng.						
		Màu sắc	Nội dung	Màu của hệ thống đèn đoạn dừng.						
		Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn trong hệ thống đèn đoạn dừng.						
	Hệ thống đèn tiếp									

0
T
T
CH
NG
VI
TN

cận	Loại	Nội dung	Phân loại hệ thống đèn tiếp cận như là tiêu chí được nêu trong tiêu chuẩn ICAO phụ ước 14.						
	Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng chiều dài của hệ thống đèn tiếp cận.						
	Cường độ	Nội dung	Mã chỉ dẫn cường độ tương đối của hệ thống đèn.						
	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn trong hệ thống đèn tiếp cận.						
	Đèn ngưỡng đường CHC								
	Màu sắc	Nội dung	Màu sắc của hệ thống đèn ngưỡng đường CHC.						
	Màu giàn đèn cánh	Nội dung	Màu sắc của dàn đèn cánh ngưỡng đường CHC.						
	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn trong hệ thống dàn đèn cánh và đèn ngưỡng đường CHC.						
	Hệ thống đèn khu vực chạm bánh								
	Chiều dài	Khoảng cách	Mở rộng chiều dài của hệ thống đèn khu vực chạm bánh đường CHC.						
	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn trong hệ thống đèn khu vực chạm bánh đường CHC.						
	Thiết bị tiếp cận độ dốc bằng mắt								
	MEHT	Độ cao	Độ cao so với đầu thêm.						
	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của thiết bị tiếp cận độ dốc bằng mắt.						
	Góc	Góc	Góc độ dốc tiếp cận danh nghĩa.						
	Loại	Nội dung	Loại VGSI (VASI, PAPI.....)						
	Góc dịch chuyển	Góc	Trường hợp trục của hệ thống không song song với trục tim đường CHC, góc dịch chuyển.						
	Hướng dịch chuyển	Nội dung	Trường hợp trục của hệ thống không song song với trục tim đường CHC, hướng dịch chuyển, nghĩa là trái hoặc phải						
	Khu vực đo độ cao bằng vô tuyến								
	Chiều dài		Khoảng cách	Mở rộng chiều dọc của khu vực đo độ cao bằng vô tuyến.					
	Chiều rộng		Khoảng cách	Mở rộng ngang khu vực đo độ cao bằng vô tuyến.					
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của khu vực đo độ cao bằng vô tuyến.					
Chú ý 1)		Mức cao đầu thêm đường CHC đối với tiếp cận không chính xác.	0.5 m	quan trọng	được khảo sát				
		Mức cao đầu thêm đường CHC đối với tiếp cận chính xác.	0.25 m	rất quan trọng	được khảo sát				
Chú ý 2)		Mức cao cuối đường CHC và bất kỳ điểm giữa trọng yếu cao và thấp dọc đường CHC đối với tiếp cận không chính xác.	0.5 m hoặc 1 ft						
		Mức cao cuối đường CHC và mức cao nhất của khu vực chạm bánh đối với các đường CHC áp dụng tiếp cận chính xác.	0.25 m hoặc 1 ft						

Phụ đính 5.3 - Bảng A 1-1 (3) Dữ liệu sân bay/sân bay trực thăng - Sân đỗ - Đường lăn

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vận	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ấn phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ
Sân đỗ				Một khu vực được xác định trên sân bay mặt đất dự định để phục vụ tàu bay với mục đích xếp dỡ hành khách, thư hoặc hàng hóa, nạp nhiên liệu, đỗ hoặc bảo trì.						
	Chỉ danh		Nội dung	Tên dạng văn bản đầy đủ hoặc chỉ danh được sử dụng để nhận dạng một sân đỗ tại sân bay/sân bay trực thăng.						
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của thành phần sân đỗ (Lưới điểm mô tả khu vực sân đỗ)		1m	thông thường	được khảo sát	1/10 giây	1 giây
	Loại		Nội dung	Phân loại mục đích sử dụng chính cho bãi đỗ.						
	Hạn chế tàu bay		Nội dung	Hạn chế việc sử dụng (cấm) đối với loại tàu bay xác định.						
	Loại bề mặt		Nội dung	Loại bề mặt sân đỗ.						
	Sức chịu tải									
		PCN	Nội dung	Sức chịu tải sân đỗ.						
		Loại sân	Nội dung	Loại sân đối với số phân cấp tàu bay — xác định sức chịu tải (ACN-PCN).						
		Áp suất cho phép	Văn bản	Danh mục áp suất lớp cho phép tối đa hoặc giá trị áp suất lớp tối đa cho phép.						
Đường lăn		Phương pháp đánh giá	Nội dung	Phương pháp đánh giá được sử dụng để xác định sức chịu tải sân đỗ.						
	Mức cao		Mức cao	Mức cao sân đỗ.						
				Một đường xác định trên mặt sân bay được thiết lập cho tàu bay lăn và dự định cung cấp đường dẫn giữa một phần của sân bay tới phần khác.						
	Chỉ danh		Nội dung	Chỉ danh dạng văn bản đầy đủ của đường lăn.						
	Chiều rộng		Khoảng cách	Mở rộng theo chiều ngang đường lăn.		1m	quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của thành phần đường lăn (Lưới điểm mô tả)						
	Cầu hành khách		Nội dung	Loại cầu (không thuộc loại nào, cầu vượt, cầu chui).						
	Loại bề mặt		Nội dung	Loại bề mặt đường lăn.						
	Sức chịu tải									
		PCN	Nội dung	Sức chịu tải của đường lăn						
		Loại sân	Nội dung	Loại chịu tải đối với số phân cấp tàu bay — xác định sức chịu tải (ACN-PCN)						
		Áp suất cho phép	Nội dung	Danh mục áp suất lớp cho phép tối đa hoặc giá trị áp suất lớp cho phép tối đa						
		Phương pháp đánh giá	Nội dung	Phương pháp đánh giá được sử dụng để xác định sức chịu tải đường lăn						
	Hạn chế tàu bay		Nội dung	Hạn chế sử dụng (cấm) đối với loại tàu bay xác định						
	Chữ cái mã code tham chiếu		Danh mục mã code	Chữ cái dựa trên sải cánh máy bay và sải cánh cảng chính ngoài						
	Điểm trực tim									
		Vị trí	Điểm	Tọa độ địa lý của điểm trực tim đường lăn		0.5m	quan trọng	được khảo sát	1/100 giây	1/100 giây
		Mức cao	Mức cao	Mức cao của điểm trực tim đường lăn		1m	quan trọng	được khảo sát		
	Lề			Một khu vực kề cận lề bê tông được chuẩn bị để cung cấp chuyển giao giữa bề mặt bê tông và bề mặt kề cận.						
		hình học	Đa giác	Vị trí địa lý của lề đường lăn (Lưới điểm mô tả).						
		Loại bề mặt	Nội dung	Loại bề mặt của lề đường lăn.						
		Chiều rộng	Khoảng cách	Chiều rộng của lề đường lăn.		1m	quan trọng	được khảo sát	1 m hoặc 1 ft	
	Đường chỉ dẫn									
		hình học	Đường	Vị trí địa lý của các đường chỉ dẫn.		0.5 m	quan trọng	được khảo sát	1/100 giây	1/100 giây
		Màu sắc	Nội dung	Màu sắc của các đường chỉ dẫn đường lăn.						
		Kiểu loại	Nội dung	Kiểu loại của các đường chỉ dẫn đường lăn.						
		Sải cánh	Giá trị	Sải cánh						

		Tốc độ tối đa	Giá trị	Tốc độ tối đa						
		Hướng	Nội dung	Hướng						
Đường đánh dấu vị trí chờ giữa			Đường	Đường đánh dấu vị trí chờ giữa		0.5 m	quan trọng	được khảo sát	1/100 giây	1 giây
Dấu hiệu đường lăn										
	Mô tả	Nội dung	Mô tả dấu hiệu đường lăn							
Đèn lẻ đường lăn										
	Mô tả	Nội dung	Mô tả đèn lẻ đường lăn							
	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn thuộc hệ thống đèn lẻ đường lăn							
Đèn trục tim đường lăn										
	Mô tả	Nội dung	Mô tả hệ thống đèn trục tim đường lăn							
	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của mỗi đèn đơn thuộc hệ thống đèn trục tim đường lăn							
Vạch dừng										
	Mô tả	Nội dung	Mô tả đèn vạch dừng	nếu có						
	hình học	Đường	Vị trí của vạch dừng							
Đèn bảo vệ đường CHC										
	Mô tả	Nội dung	Mô tả đèn bảo vệ đường CHC và các biện pháp bảo vệ đường CHC khác	nếu có						
	Vị trí	Điểm	Vị trí của vạch dừng	Cầu hình A						
	Hình học	Đường	Vị trí của vạch dừng	Cầu hình B						
Vị trí chờ đường CHC			Một vị trí được chỉ định nhằm bảo vệ đường CHC, bề mặt hạn chế chướng ngại vật hoặc khu vực nhạy cảm/rất quan trọng ILS/MLS mà tại đó tàu bay và các phương tiện lăn sẽ dừng và chờ, trừ khi được đài kiểm soát tại sân bay cấp huấn lệnh.							
	hình học	Đường	Vị trí địa lý của vị trí chờ đường CHC		0.5m	quan trọng	khảo sát	1/100 giây	1 giây	
	Đường CHC được bảo vệ	Nội dung	Chỉ danh đường CHC được bảo vệ							
	Vị trí chờ CAT	Danh mục mã code	CAT của đường CHC (0, I, II, III)							
	Đánh dấu RWY ahead	Nội dung	Chữ cụ thể dùng để đánh dấu.Ví dụ , RWY AHEAD hoặc RUNWAY AHEAD.							
Vị trí chờ trung gian	Hình học	Đường	Vị trí địa lý của vị trí chờ trung gian. Một vị trí được chỉ định dự kiến cho kiểm soát không lưu mà tại đó tàu bay và các phương tiện lăn sẽ dừng và chờ cho tới khi nhận được huấn lệnh để thực hiện, khi được chỉ dẫn bởi đài kiểm soát tại sân.							
INS										
	Vị trí		Điểm	Vị trí địa lý của điểm kiểm tra INS	nếu có	0.5m	thông thường	khảo sát	1/100 giây	1/100 giây
VOR										
	Vị trí		Điểm	Vị trí địa lý của điểm kiểm tra đài VOR	nếu có					
	Tần số		Giá trị	Tần số của điểm kiểm tra đài VOR						
Điểm kiểm tra đồng hồ độ cao										
	Vị trí		Điểm	Vị trí địa lý của điểm kiểm tra đồng hồ độ cao						
	Mức cao		Mức cao	Mức cao của điểm kiểm tra đồng hồ độ cao						
Vị trí đỗ tàu bay				Khu vực được chỉ định trên sân đỗ dự định dùng cho tàu bay đỗ						
	Tên		Nội dung	Tên của điểm vị trí đỗ tàu bay						
	Điểm vị trí đỗ tàu bay	Vị trí	Điểm	Vị trí địa lý của điểm vị trí đỗ tàu bay		0.5m	thông thường	được khảo sát	1/100 giây	1/100 giây
		Loại tàu bay	Danh mục mã code	Các loại tàu bay						
	Ký hiệu nhận dạng		Nội dung	Mô tả ký hiệu nhận dạng vị trí đỗ tàu bay						
	Hệ thống dẫn đỗ tàu bay		Nội dung	Mô tả hệ thống dẫn đỗ tàu bay tại vị trí đỗ tàu bay						
	Khu vực vị trí đỗ		Đa giác	Vị trí địa lý của khu vực đỗ (Lưới điểm mô tả)						

	Towing		Code list	Towing available at aircraft stand						
	Nhà ga		Nội dung	Tham chiếu xây dựng nhà ga						
	Loại bề mặt		Nội dung	Loại bề mặt của vị trí đỗ tàu bay						
	Hạn chế tàu bay		Nội dung	Hạn chế sử dụng (cấm) đối với loại tàu bay xác định						
	PCN		Nội dung	Sức chịu tải của vị trí đỗ tàu bay						
	Đường chỉ dẫn vị trí đỗ									
		Hình học	Đường	Vị trí địa lý của đường chỉ dẫn vị trí đỗ		0.5m	quan trọng	khảo sát	1/100 giây	
		Mức cao	Mức cao	Mức cao các điểm đường chỉ dẫn vị trí đỗ		1m	quan trọng	khảo sát		
		Hướng	Nội dung	Hướng đường chỉ dẫn vị trí đỗ						
		Sải cánh	Giá trị	Sải cánh						
		Màu sắc	Danh mục mã code	Màu sắc của đường chỉ dẫn vị trí đỗ						
		Kiểu loại	Danh mục mã code	Kiểu loại của đường chỉ dẫn vị trí đỗ						



Phụ đính 5.4 - Bảng A 1-1 (4) Dữ liệu sân bay/sân bay trực thăng – Trang thiết bị thông tin liên lạc

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vụn	Loại góc	Độ phân giải công bố trong ấn phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ
Trang thiết bị thông tin liên lạc										
	Loại dịch vụ		Nội dung	Loại dịch vụ được cung cấp						
	Tên gọi		Nội dung	Tên gọi của trang thiết bị						
	Kênh		Nội dung	Kênh/Tần số của trang thiết bị						
	Địa chỉ đăng nhập		Nội dung	Địa chỉ đăng nhập vào trang thiết bị	khí phù hợp					
	Giờ hoạt động		Kế hoạch	Giờ hoạt động của trạm thông tin liên lạc						



Phụ đính 5.5 - Bảng A1-5 Hệ thống dữ liệu/đài phụ trợ vô tuyến dẫn đường – Đài phụ trợ vô tuyến dẫn đường

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vẹn	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ân phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ
Đài phụ trợ vô tuyến dẫn đường										
	Loại		Nội dung	Loại thiết bị dẫn đường vô tuyến						
	Nhận dạng		Nội dung	Mã gán để xác định thiết bị duy nhất						
	Tên		Nội dung	Tên của thiết bị dẫn đường						
	Mục đích		Danh mục mã code	Chỉ dẫn khi thiết bị dẫn đường phục vụ đường bay (E), sân bay (A) hoặc cả đường bay và sân bay (AE).						
	Sân bay/sân bay trực thăng được phục vụ		Nội dung	Chỉ địa danh ICAO hoặc tên của sân bay/sân bay trực thăng được phục vụ						
	Đường CHC được phục vụ		Nội dung	Chỉ danh đường cất hạ cánh được phục vụ						
	Nhà chức trách khai thác		Nội dung	Tên nhà chức trách khai thác của trang thiết bị						
	Loại khai thác hỗ trợ		Danh mục mã code	Chỉ dẫn về loại khai thác hỗ trợ đối với ILS/MLS và GBAS						
	Vị trí liên kết		Nội dung	Thông tin về thiết bị cùng lắp đặt với thiết bị khác						
	Giờ hoạt động		Lịch trình	Giờ hoạt động của thiết bị dẫn đường vô tuyến						
	Độ lệch từ			Sự khác biệt về góc giữa Bắc Thực và Bắc Từ						
		Góc	Góc	Độ lệch từ của thiết bị dẫn đường vô tuyến	ILS/NDB		Xem Chú ý 1)			
		Ngày	Ngày	Ngày độ lệch từ có giá trị tương ứng						
	Tần số		Giá trị	Tần số hoặc tần số điều chỉnh của thiết bị dẫn đường vô tuyến						
	Kênh		Nội dung	Số kênh của thiết bị dẫn đường vô tuyến	DME					
	Vị trí		Điểm	Vị trí địa lý của thiết bị dẫn đường vô tuyến			Xem Chú ý 2)			
	Mức cao		Mức cao	Mức cao của ăng ten chuyển tiếp của DME Mức cao của điểm quy chiếu GBAS	DME GBAS		Xem Chú ý 3)			
	Chiều cao Ellipsoid		Chiều cao	Chiều cao ellipsoid của điểm quy chiếu GBAS	GBAS					
	Đài chỉ hướng									
		Hướng	Hướng	Trục chỉ hướng	Đài chỉ hướng ILS	1/100 độ			1/100 độ (nếu là hướng thực)	1 độ
		Loại	Nội dung	Loại đài chỉ hướng, hướng thực hoặc hướng từ	Đài chỉ hướng ILS		cần thiết	khảo sát		
	RDH		Giá trị	Giá trị của chiều cao dữ liệu quy chiếu ILS (ILS RDH).	ILS GP	0.5m	trọng yếu	tính toán	0.1 m hoặc 0.1 ft	0.5 m hoặc 1 ft
	Cự ly cuối đường CHC ăng ten đài chỉ hướng		Cự ly	Đường cất hạ cánh đài chỉ hướng ILS /cự ly cuối FATO	Đài chỉ hướng ILS	3 m	thông thường	tính toán	1 m hoặc 1 ft	Được đánh dấu
	Cự ly TRSH ăng ten góc trượt ILS		Cự ly	Ăng ten góc trượt ILS - trục tâm dọc cự ly ngưỡng	ILS GP	3 m	thông thường	tính toán	1 m hoặc 1 ft	Được đánh dấu
	Cự ly TRSH đài chỉ mốc ILS		Cự ly	Đài chỉ mốc ILS - cự ly ngưỡng	ILS	3 m	cần thiết	tính toán	1 m hoặc 1 ft	2/10 km (1/10 NM)
	Cự ly TRSH ăng ten ILS DME		Cự ly	Ăng ten ILS DME - cự ly ngưỡng dọc trục tâm	ILS	3 m	cần thiết	tính toán	1 m hoặc 1 ft	Được đánh dấu
	DOC		Nội dung	Tầm phủ khai thác chi định (DOC hoặc khối lượng dịch vụ tiêu chuẩn SSV) như phạm vi hoặc radius khối lượng dịch vụ từ thiết bị dẫn đường/điểm quy chiếu GBAS, chiều cao và phân khu nếu cần						

Phụ đính 5.6 - Bảng A1-6 Dữ liệu chướng ngại vật

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vện	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ấn phẩm	Độ phân giải công bố trên sơ đồ bản đồ	
Chướng ngại vật				Các chướng ngại vật cố định hoàn toàn (cho dù là tạm thời hoặc vĩnh viễn) và các chướng ngại vật hoặc các phần của chướng ngại vật có dịch chuyển							
	Nhận dạng chướng ngại vật		Nội dung	Mã nhận dạng chướng ngại vật							
	Người khai thác/Chủ sở hữu		Nội dung	Tên và thông tin liên lạc của nhà khai thác chướng ngại vật hoặc chủ sở hữu							
	Loại hình học		Danh sách mã	Một dấu hiệu cho thấy chướng ngại vật là một điểm, đường hoặc đa giác							
	Vị trí phương ngang		Điểm Đường Đa giác	Vị trí phương ngang của chướng ngại vật		Xem Ghi chú 1)					
	Mức cao		Mức cao	Mức cao của điểm cao nhất của chướng ngại vật		Xem Ghi chú 2)					
	Chiều cao		Chiều cao	Chiều cao của chướng ngại vật trên mặt đất							
	Loại		Nội dung	Loại chướng ngại vật							
	Ngày và giờ		Ngày	Ngày và thời gian chướng ngại vật được tạo ra							
	Hoạt động		Nội dung	Đặc tính hoạt động của chướng ngại vật di động							
	Ảnh hưởng		Nội dung	Ảnh hưởng của các loại chướng ngại vật tạm thời							
	Đèn										
		Loại	Nội dung	Loại chiếu sáng							
		Màu sắc	Nội dung	Màu sắc của đèn chướng ngại vật							
	Ký hiệu		Nội dung	Loại ký hiệu chướng ngại vật							
Ghi chú 1)					Chướng ngại vật ở khu vực 1		50 m	thông thường	khảo sát	1 giây	Được đánh dấu
					Chướng ngại vật ở khu vực 2 (bao gồm 2a, 2b, 2c, 2d, khu vực tuyến bay cất cánh và các bề mặt giới hạn chướng ngại vật)		5 m	cần thiết	khảo sát	1/10 giây	1/10 giây
					Chướng ngại vật ở khu vực 3		0.5 m	cần thiết	khảo sát	1/10 giây	1/10 giây
					Chướng ngại vật ở khu vực 4		2.5 m	cần thiết	khảo sát		
Ghi chú 2)					Chướng ngại vật ở khu vực 1		30 m	thông thường	khảo sát	1 m hoặc 1 ft	3 m (10 ft)
					Chướng ngại vật ở khu vực 2 (bao gồm 2a, 2b, 2c, 2d, khu vực tuyến bay cất cánh và các bề mặt giới hạn chướng ngại vật)		3 m	cần thiết	khảo sát	1 m hoặc 1 ft	1 m hoặc 1 ft
					Chướng ngại vật ở khu vực 3		0.5 m	cần thiết	khảo sát	0.1 m hoặc 0.1 ft 0.01 m	1 m hoặc 1 ft
					Chướng ngại vật ở khu vực 4		1 m	cần thiết	khảo sát	0.1 m	

Phụ đính 5.7 - Bảng A1-7 Dữ liệu địa lý

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vẹn	Loại gốc	Độ phân giải công bố trong ản phẩm	
Các tòa nhà				Các tòa nhà (có tính chất khai thác quan trọng) và các tính năng (tại sân bay) nổi bật khác						
	Tên		Nội dung	Tên tòa nhà						
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của tòa nhà						
Khu vực xây dựng				Các khu vực được bao quanh bởi các thành phố, thị trấn và làng mạc						
	Tên		Nội dung	Tên của khu vực xây dựng						
	Hình học		Điểm/ đa giác	Vị trí địa lý của khu vực xây dựng						
Đường sắt				Tất cả các tuyến đường sắt có giá trị địa tiêu						
	Tên		Nội dung	Tên đường sắt						
	Hình học		Đường	Vị trí địa lý của đường sắt						
Đường cao tốc và đường bộ				Tất cả các đường cao tốc và đường bộ có giá trị địa danh						
	Tên		Nội dung	Tên đường cao tốc và đường bộ						
	Hình học		Đường	Vị trí địa lý của đường cao tốc và đường bộ						
Các địa tiêu				Các địa tiêu tự nhiên và văn hóa, như là cầu, hệ thống đường dây tải điện, cáp treo lắp đặt cố định, tua-bin gió, công trình mỏ, pháo đài, tàn tích, đê, đường ống dẫn, đá tảng, vỉa hè, vách đá, cồn cát, ngọn hải đăng và đèn chiếu sáng, đóng vai trò quan trọng đối với dẫn đường bằng mắt						
	Đặc tính		Nội dung	Mô tả về địa tiêu						
	Hình học		Điểm	Vị trí địa lý của địa tiêu						
Biên giới				Biên giới quốc gia						
	Hình học		Đường	Vị trí địa lý của các đường biên giới quốc gia						
Thủy hệ				Tất cả các bề mặt nước đặc trưng bao gồm đường bờ biển, hồ, sông và suối (bao gồm cả những chỗ mới hình thành).						
	Tên		Nội dung	Tên của các bề mặt nước						
	Hình học		Đường/ đa giác	Vị trí địa lý của các bề mặt nước						
Khu vực rừng				Khu vực rừng						
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của khu vực rừng						

Phụ đính 5.8 - Bảng A1-8 Dữ liệu địa lý

Đối tượng	Thuộc tính	Thuộc tính con	Kiểu loại	Mô tả	Ghi chú	Độ chính xác	Tính toán vẹn	Loại gốc
Đường công vụ				Một phần của bề mặt sân bay được sử dụng bởi các phương tiện dịch vụ				
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của các tuyến đường công vụ				
	featbase		Nội dung	Xác định loại tính năng bị ảnh hưởng				
	Căn cứ		Nội dung	Tên của đường lăn nằm dưới, khu vực vị trí đỗ hoặc sân đỗ				
Khu vực thi công				Một phần của khu vực sân bay đang được xây dựng				
	Hình học		Đa giác	Vị trí địa lý của khu vực thi công				
Khu vực không phù hợp để tàu bay hoạt động				Khu vực không phù hợp để tàu bay hoạt động.				
	Hình học		Đa giác	Mô tả khu vực không phù hợp cho tàu bay hoạt động				



Phụ đính 5.9 - Bảng A1-9. Các loại dữ liệu

Loại (1)	Mô tả (2)	Yếu tố dữ liệu (3)
Điểm	Một cặp tọa độ (vĩ độ và kinh độ) được tham chiếu đến hình elip tham chiếu toán học xác định vị trí của điểm trên bề mặt Trái đất.	Vĩ độ
		Kinh độ
		Hệ quy chiếu ngang
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác ngang đạt được
Đường	Thứ tự các điểm xác định một đối tượng tuyến tính	Thứ tự các điểm
Đa giác	Thứ tự các điểm tạo thành ranh giới của đa giác. Điểm đầu tiên và cuối cùng giống nhau.	Thứ tự các điểm đóng (tạo thành lưới)
Chiều cao	Khoảng cách dọc của một mức, điểm hoặc một đối tượng được coi là một điểm, được đo từ một mốc cụ thể.	Giá trị số
		Hệ thống tham chiếu dọc
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác theo chiều dọc đạt được
Độ cao	Khoảng cách dọc của một mức, một điểm hoặc một đối tượng được coi là một điểm, được đo từ mực nước biển trung bình.	Giá trị số
		Hệ tham chiếu dọc
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác theo chiều dọc đạt được
Mức cao	Khoảng cách thẳng đứng của một điểm hoặc một mức, trên hoặc được gắn vào bề mặt trái đất, được đo từ mực nước biển trung bình.	Giá trị số
		Hệ tham chiếu dọc
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác dọc
Khoảng cách	Giá trị tuyến tính	Giá trị số
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác đạt được
Góc/Góc phương vị	Giá trị góc	Giá trị số
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác đạt được
Giá trị	Bất kỳ giá trị đo lường, giá trị công bố hoặc giá trị trích xuất không được liệt kê ở trên.	Giá trị số
		Đơn vị đo lường
		Độ chính xác đạt được
Ngày	Ngày dương lịch tham chiếu một ngày hoặc tháng cụ thể	Nội dung
Lịch trình	Một khoảng thời gian lặp đi lặp lại, bao gồm một hoặc nhiều khoảng thời gian hoặc ngày đặc biệt (ví dụ: ngày lễ) xảy ra theo chu kỳ	Nội dung
Danh sách mã	Tập hợp các chuỗi hoặc giá trị văn bản được xác định trước	Nội dung
Nội dung	Nội dung văn bản	Chuỗi ký tự không có ràng buộc

PHỤ LỤC VI:

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN CUNG CẤP DỮ LIỆU HÀNG KHÔNG VÀ TIN TỨC HÀNG KHÔNG

STT	Tin tức, dữ liệu	Thời gian cung cấp
I. TIN TỨC PHÙ HỢP PHÁT HÀNH NOTAM		
	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay (thời gian không quá 24 giờ) trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không	Ngay lập tức cung cấp tin tức cần thông báo tới Phòng NOTAM Quốc tế bằng các hình thức: gọi điện thông báo đến số máy điện thoại 024-38720619 (có ghi âm) hoặc gửi nội dung theo Phụ lục 3 đến số 024-38728781 hoặc email. (Chỉ định người có thẩm quyền gọi điện và sử dụng số điện thoại nêu tại Phụ lục 1 để gọi điện trong trường hợp đột xuất). Ngoài ra, nếu tin tức kéo dài trên 24 giờ: Người khai thác Cảng HK, sân bay gửi văn bản đề nghị và văn bản phê duyệt của Cục HKVN cho Phòng NOTAM Quốc tế.
	Các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không, cần thông báo ngay (<i>Các tình huống bất thường: Trường hợp đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay bị hư hỏng đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không...</i>)	Tin tức cần được Người khai thác Cảng hàng không, sân bay được gửi ngay cho Phòng NOTAM Quốc tế và báo cáo Cục HKVN: Đối với các tình huống bất thường xảy ra trong khu hoạt động tại sân bay (không bao gồm tình huống liên quan đến thiết bị bảo đảm hoạt động bay): - Tin tức xảy ra trong vòng 24h: Thẩm quyền ra quyết định là Cảng vụ HK - Tin tức xảy ra có hiệu lực trên 24h: Thẩm quyền ra quyết định là Cục HKVN. Đối với tin tức liên quan đến hoạt động của trang thiết bị bảo đảm hoạt động bay: Thẩm quyền ra quyết định là Cục HKVN.
	Hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trong thời gian giãn cách giữa các chuyến bay hoặc phương án thi công không làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách,	Người khai thác Cảng HK, sân bay gửi văn bản đã được lãnh đạo Cảng vụ hàng không, sân bay phê duyệt ít nhất trước 84 giờ cần công bố tin tức đến Phòng NOTAM Quốc tế để phát NOTAM ít nhất 72 giờ trước ngày thực hiện.

	nhà ga hàng hóa, phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.	
	Tin tức về tình trạng mặt đường CHC của cảng hàng không, sân bay của Việt Nam	Người khai thác Cảng HK, sân bay gửi Báo cáo tình trạng mặt đường CHC (RCR) đến Phòng NOTAM quốc tế để phát hành NOTAM/SNOWTAM ngay khi có thay đổi tình trạng mặt đường CHC. <i>Ghi chú: Mẫu RCR xem chi tiết tại Phụ lục 7.</i>
	Tin tức liên quan đến công việc có kế hoạch sẽ được tiến hành tại khu hoạt động	Ít nhất 03 ngày trước ngày tin tức bắt đầu có hiệu lực
II. TIN TỨC, DỮ LIỆU PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH TẬP TU CHÍNH, TẬP BỔ SUNG AIP THÔNG THƯỜNG/THEO CHU KỲ AIRAC, AIC		
II.1. TIN TỨC, DỮ LIỆU PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH TẬP TU CHÍNH, TẬP BỔ SUNG AIP THÔNG THƯỜNG, AIC		
	Tin tức có tính chất ổn định, lâu dài và quan trọng liên quan đến những nội dung đã công bố trong AIP Việt Nam	Ít nhất 56 ngày trước ngày có hiệu lực
	- Tin tức có tính chất tạm thời trong thời gian dài (3 tháng trở lên), gồm nội dung text dài và/hoặc có sơ đồ/bản đồ kèm theo; hoặc - Tin tức ngắn hạn (dưới 3 tháng) nhưng gồm nội dung text dài và/hoặc có sơ đồ/bản đồ kèm theo	Ít nhất 28 ngày trước ngày có hiệu lực
II.2. TIN TỨC, DỮ LIỆU PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT HÀNH TẬP TU CHÍNH, BỔ SUNG AIP THEO CHU KỲ AIRAC		
	Tin tức, dữ liệu về việc thiết lập, hủy bỏ hoặc có những thay đổi quan trọng về: - Vị trí, tần số, tên gọi, các hiện tượng bất thường đã biết, chu kỳ bảo dưỡng của hệ thống, thiết bị dẫn đường vô tuyến; - Đường cất hạ cánh và các đoạn dừng, đường lăn, sân đỗ; - Phương án vận hành trên	Ít nhất 56 ngày trước ngày có hiệu lực

	khu vực hoạt động tại sân bay (bao gồm cả phương án khai thác trong điều kiện tầm nhìn thấp); - Đèn tiếp cận, đèn đường cất hạ cánh.	
	Tin tức liên quan đến những thay đổi đặc biệt quan trọng đã được lập kế hoạch	Ít nhất 84 ngày trước ngày có hiệu lực

Ghi chú:

- Các ngày gửi/nhận dữ liệu phát hành theo chu kỳ AIRAC và chu kỳ tu chỉnh AIP hàng năm được công bố trong AIC vào đầu mỗi năm.
- Trước khi phát hành sản phẩm TTHK, Trung tâm TBTTHK gửi cho nơi phát hành thông tin dự thảo các sản phẩm để rà soát và kiểm tra lại trước khi ban hành sản phẩm.
- Sau khi sản phẩm TTHK đã được phát hành, nếu có sự điều chỉnh, kéo dài kế hoạch thi công; Cảng HK báo cáo cấp có thẩm quyền để chỉ đạo; đồng thời thông báo nội dung thay đổi này trước khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho Trung tâm TBTTHK để chủ động biên soạn sản phẩm TTHK khác theo quy định.

PHỤ LỤC VII:

MÃU RCR

1. Mẫu RCR (theo định dạng điện văn)

(Hàng tiêu đề)	(Chỉ danh Độ khẩn)	(địa chỉ đích)																<≡						
	(thời gian thực hiện điện văn)	(địa chỉ gốc)																<≡						
(Tiêu đề tóm tắt)	(Số thứ tự điện văn RCR)								(Chỉ danh địa chỉ sân bay)		Thời gian đánh giá								(tùy chọn)					
	R	C	V	V	*	*	*																	

RCR →	(Số thứ tự) $\leq \equiv$
----------	---------------------------

Phân đánh giá tình trạng			
(Sân bay)			→
(Đầu mỗi soạn thảo RCR)			<≡
(Thời gian đánh giá)			→
(Đường CHC)			→
(Mã đánh giá tình trạng cho mỗi phần ba đường CHC (RWYCC)) (From Runway Condition Assessment Matrix (RCAM) 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6)		/ /	→
(Tỷ lệ phần trăm bao phủ của chất bám lần lượt cho mỗi phần ba đường CHC)		/ /	→
(Độ sâu của lớp chất bám cho lần lượt mỗi phần ba đường CHC)		/ /	→
(Mô tả tình trạng theo tổng chiều dài đường CHC) (Quan sát trên mỗi phần ba đường CHC, bắt đầu từ đường CHC có số bé hơn)		/ /	

COMPACTED SNOW (TUYẾT CHẶT) DRY (KHÔ) DRY SNOW (TUYẾT KHÔ) DRY SNOW ON TOP OF COMPACTED SNOW (TUYẾT KHÔ TRÊN BỀ MẶT TUYẾT CHẶT) DRY SNOW ON TOP OF ICE (TUYẾT KHÔ TRÊN BỀ MẶT BĂNG) FROST (SƯƠNG GIÁ) ICE (BĂNG GIÁ) SLUSH (TUYẾT TAN) STANDING WATER (NƯỚC ĐÔNG) WATER ON TOP OF COMPACTED SNOW (NƯỚC TRÊN BỀ MẶT TUYẾT CHẶT) WET (ƯỚT) WET ICE (BĂNG ƯỚT) WET SNOW (TUYẾT ƯỚT) WET SNOW ON TOP OF COMPACTED SNOW (NƯỚC TRÊN BỀ MẶT TUYẾT CHẶT) WET SNOW ON TOP OF ICE (TUYẾT ƯỚT TRÊN BỀ MẶT BĂNG)	
(Chiều rộng đường CHC bị giảm (m))	
Nội dung nhân định tình huống (phần lưu ý theo mẫu CHK)	

Minh ngữ:

STT	Nội dung	Cách ghi
1.	Sân bay	Ghi mã ICAO (mã 4 chữ) của sân bay
2.	Đầu mối soạn thảo RCR	Ghi Số điện thoại của bộ phận đầu mối/người soạn thảo và gửi RCR của Cảng HK liên quan
3.	Thời gian đánh giá	Thời gian UTC; định dạng: Tháng/ngày/giờ/phút
4.	Đường CHC	Số chỉ định phía đường CHC thấp hơn. Ví dụ: Đường CC 07/25 thì trong mục Đường CHC sẽ ghi là 07
5.	Mã đánh giá tình trạng cho mỗi phần ba đường CHC	Đánh giá dựa trên RCAM và ghi các số tương đương RWYCC: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6 cho mỗi 1/3 đường CHC
6.	Tỷ lệ phần trăm bao phủ của chất bám bao phủ lần lượt cho mỗi phần ba đường CHC	Ghi theo lý lệ % (NR/25/50/75/100) bao phủ chất bám mỗi 1/3 đường CHC
7.	Độ sâu của lớp chất bám bao phủ cho	Ghi độ sâu chất bám (mm) thực tế cho mỗi 1/3 đường CHC

	lần lượt mỗi phần ba đường CHC	
8.	Loại chất bám cho 1/3 đường CHC đầu tiên	Ghi loại chất bám trên phần ba đường CHC (KHÔ, ƯỚT, TRƠN ƯỚT, ĐỘNG NƯỚC)
9.	Loại chất bám cho 1/3 đường CHC tiếp theo	
10.	Loại chất bám cho 1/3 đường CHC cuối cùng	
11.	Lưu ý	Ghi các nội dung nhận định tình huống
12.	Chiều rộng đường CHC bị giảm (m)	Ghi bề rộng đường CHC thực tế còn lại (m)

Ví dụ:

GG VVHMZQZX VVHNZQZX

150520 VVVDYOYD

(RCVV0001 VVVD 09150500

RCR 0001

VVVD 22512345678

09150500 11L 2/2/2 50/75/50 04/05/04 STANDING WATER/STANDING WATER/STANDING WATER 35

09150505 11R 5/2/6 50/75/NR NR/05/NR WET/STANDING WATER/DRY

RWY 11L LDA REDUCED TO 2500. RWY 11L LOOSE SAND. RWY 11L CHEMICALLY TREATED. TWY S1A POOR. 69/63/30 MUM. RWY 11L CLEANED FULL LENGTH AND WIDTH AT 0800.)

Giải thích:

Mã nhận dạng	Minh ngữ
RCR 0001 VVVD 22512345678	RCR số 0001 tại Cảng HKQT Vân Đồn Đầu mỗi soạn thảo RCR số điện thoại là 225 12345678 <i>RCR 0001 at Van Don International Airport; telephone number of RCR editor 225 12345678</i>
09150500	Thời gian đánh giá: 05 giờ 00 phút ngày 15 tháng 09 (giờ quốc tế) <i>Assessment time: 05:00 on September 15 (UTC)</i>

11L	Số chỉ định phía đường CHC thấp hơn 11L <i>The lower RWY designation number 11L</i>
2/2/2	Mã đánh giá tình trạng cho mỗi phần ba đường CHC đều là 2 <i>RWYCC for each runway third is 2</i>
50/75/50	Tỷ lệ phần trăm bao phủ của nước đọng lần lượt cho mỗi phần ba đường CHC tính từ ngưỡng đường CHC 11L là 50%,75%,50% <i>The percentage of standing water coverage for each runway third respectively, starting from the threshold of RWY 11L is 50%,75%,50%,</i>
04/05/04	Độ sâu của lớp nước cho phần ba đầu đường CHC là 4mm, phần ba thứ 2 là 5mm và phần ba thứ ba là 4mm <i>The depth water for the first part of RWY is 4mm, the second part of RWY is 5mm and the third part of RWY third is 4mm</i>
STANDING WATER/STANDING WATER/ STANDING WATER	Nước đọng trên cả 3 phần của đường CHC 11L <i>Standing water on all 3 parts of RWY 11L</i>
35	Chiều rộng đường CHC 11L giảm còn lại 35 m (width of runway 35m)
09150505	Thời gian đánh giá: 05 giờ 05 phút ngày 15 tháng 09 (giờ quốc tế) <i>Assessment time: 05:05 on September 15 (UTC)</i>
11R	Số chỉ định phía đường CHC thấp hơn 11R <i>The lower RWY designation number 11R</i>
5/2/6	Mã đánh giá tình trạng cho mỗi phần ba đường CHC lần lượt là 5/2/6 <i>RWYCC for each runway third is 5/2/6 respectively</i>
50/75/NR	Tỷ lệ phần trăm bao phủ của nước đọng lần lượt cho mỗi phần ba đường CHC tính từ ngưỡng đường CHC 11R là 50%,75%,không có giá trị đánh giá <i>The percentage of standing water coverage for each runway third respectively, starting from the threshold of RWY 11L is 50%,75%,no value for depth</i>
NR/05/NR	Không có giá trị độ sâu của lớp nước cho phần ba đầu đường CHC, phần ba thứ 2 là 5 mm và không

	có giá trị độ sâu của lớp nước cho phần ba thứ ba <i>There is no value of depth water for the first and the third parts of RWY, the depth water of the second part of RWY is 5mm.</i>
WET/STANDING WATER/DRY	Phần ba đầu được đánh giá là ướt, phần ba thứ hai có nước đọng, phần ba thứ ba được đánh giá là khô <i>The first part of RWY is assessed as wet, the second part of RWY is standing water and the third part of RWY is dry.</i>
RWY 11L LDA REDUCED TO 2500. RWY 11L LOOSE SAND. RWY 11L CHEMICALLY TREATED.	Cự ly có thể hạ cánh của đường CHC 11L giảm còn 2500 mét. Xuất hiện cát rơi vãi và xử lý hóa chất trên đường CHC 11L <i>Landing distance of RWY 11L is reduced to 2500 meters. Sand and chemical treatment occurs on RWY 11L</i>
TWY S1A POOR. 69/63/30 MUM. RWY 11L CLEANED FULL LENGTH AND WIDTH AT 0800	Tình trạng đường lăn S1A kém. Hệ số ma sát được đo bằng thiết bị Mu-Meter trên đường cất hạ cánh theo mỗi phần ba đường CHC là 69/63/30. Toàn bộ đường CHC 11L sẽ được làm sạch lúc 0800 (giờ quốc tế). <i>The condition of taxiway S1A is poor. The coefficient of friction measured by the Mu-Meter on the runway for each runway third is 69/63/30. RWY 11L will be cleaned at 0800 (UTC)</i>

2. Mẫu RCR (không theo định dạng điện văn)

RCR	----- ----- Sân bay	----- ----- Ngày & Giờ	--- Đường CHC	· / · / · RWYCC	--- / --- / --- % chất bám bao phủ mỗi 1/3 đường CHC	--- / --- / --- Độ sâu chất bám bao phủ mỗi 1/3 đường CHC (mm)
----- Loại chất bám cho 1/3 đường CHC đầu tiên		----- / ----- Loại chất bám cho 1/3 đường CHC tiếp theo		----- Loại chất bám cho 1/3 đường CHC cuối		
Lưu ý	----- -----				----- Chiều rộng đường CHC bị giảm (m)	
----- -----						

Minh ngữ:

STT	Nội dung	Cách ghi
1.	Sân bay	Ghi mã ICAO (mã 4 chữ) của sân bay
2.	Ngày & Giờ	Thời gian UTC; định dạng: Tháng/ngày/giờ/phút
3.	Đường CHC	Ghi đầu đường CHC có số hiệu nhỏ hơn. Ví dụ: Đường CC 07/25 thì trong mục Đường CHC sẽ ghi là 07
4.	RWYCC	Đánh giá dựa trên RCAM và ghi các số tương đương RWYCC: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6 cho mỗi 1/3 đường CHC
5.	% chất bám bao phủ mỗi 1/3 đường CHC	Ghi theo lý lệ % (NR/25/50/75/100) bao phủ chất bám mỗi 1/3 đường CHC
6.	Độ sâu chất bám bao phủ mỗi	Ghi độ sâu chất bám (mm) thực tế cho mỗi

	1/3 đường CHC	1/3 đường CHC
7.	Loại chất bám cho 1/3 đường CHC đầu tiên	Ghi loại chất bám trên phần ba đường CHC (KHÔ, ƯỚT, TRƠN ƯỚT, ĐỘNG NƯỚC)
8.	Loại chất bám cho 1/3 đường CHC tiếp theo	
9.	Loại chất bám cho 1/3 đường CHC cuối cùng	
10.	Lưu ý	Ghi các nội dung nhận định tình huống
11.	Chiều rộng đường CHC bị giảm (m)	Ghi bề rộng đường CHC thực tế còn lại (m)

Lưu ý:

Trường hợp hệ số ma sát mặt đường CHC thấp hơn hệ số ma sát tối thiểu thì người khai thác Cảng HKSB cần cung cấp trong mẫu RCR.